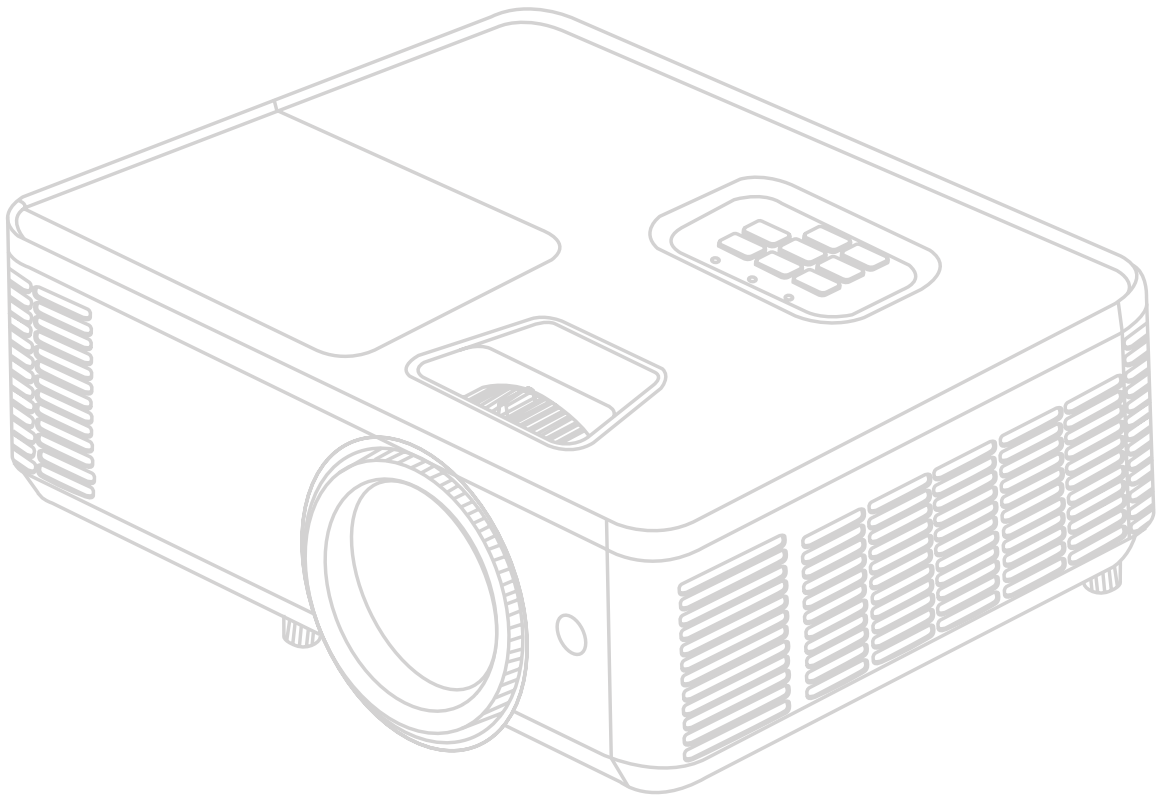


# PX704HD

Máy chiếu

Hướng dẫn sử dụng



Số kiểu máy VS19746  
Tên kiểu máy: Dòng PX704HD

## **Cảm ơn bạn đã chọn ViewSonic®**

Là một nhà cung cấp các giải pháp hình ảnh dẫn đầu toàn cầu, ViewSonic® nỗ lực vượt lên trên kỳ vọng của thế giới về sự phát triển, đổi mới và đơn giản của công nghệ. Tại ViewSonic®, chúng tôi tin rằng các sản phẩm của chúng tôi có thể tạo ra tác động tích cực đối với thế giới và chúng tôi tin chắc sản phẩm ViewSonic® mà bạn chọn sẽ phục vụ tốt cho bạn.

Một lần nữa, cảm ơn bạn đã chọn ViewSonic®!

# Phòng ngừa an toàn - Chung

Vui lòng đọc mục **Phòng ngừa an toàn** sau đây trước khi bạn bắt đầu sử dụng máy chiếu.

- Giữ hướng dẫn sử dụng này ở nơi an toàn để tham khảo sau.
- Hãy đọc tất cả cảnh báo và làm theo tất cả hướng dẫn.
- Giữ khoảng trống ít nhất 20" (50 cm) xung quanh máy chiếu để đảm bảo thông hơi đúng cách.
- Đặt máy chiếu ở nơi thông thoáng. Không đặt bất cứ thứ gì lên máy chiếu mà ngăn cản tản nhiệt.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không bằng phẳng hoặc không ổn định. Máy chiếu có thể bị đổ, gây thương tích cho người hoặc trục trặc máy chiếu.
- Không sử dụng nếu máy chiếu nghiêng ở góc hơn 10 độ về trái hoặc phải, hoặc góc hơn 15 độ về phía trước hoặc phía sau.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu trong khi hoạt động. Chùm tia sáng mạnh có thể làm tổn thương mắt của bạn.
- Luôn luôn mở cửa trap ống kính hoặc tháo nắp ống kính khi bóng đèn máy chiếu bật.
- Không chặn ống kính chiếu bằng bất kỳ vật thể nào khi máy chiếu đang hoạt động vì điều này có thể khiến vật thể đó nóng lên và biến dạng hoặc thậm chí gây ra hỏa hoạn.
- Bóng đèn trở nên cực kỳ nóng trong quá trình hoạt động. Để máy chiếu nguội khoảng 45 phút trước khi tháo cụm bóng đèn để thay thế.
- Không sử dụng bóng đèn vượt quá tuổi thọ bóng đèn định mức. Việc sử dụng quá mức bóng đèn khi vượt quá tuổi thọ định mức có thể khiến bóng đèn bị bể trong một số trường hợp hiếm hoi.
- Không bao giờ được thay thế cụm bóng đèn hoặc bất kỳ bộ phận điện tử nào trừ khi đã rút phích cắm máy chiếu.
- Không cố gắng tháo rời máy chiếu. Bên trong có điện áp cao nguy hiểm có thể gây tử vong nếu bạn tiếp xúc với các bộ phận có điện.
- Khi di chuyển máy chiếu, cẩn thận không làm rơi hoặc va đập máy chiếu vào bất cứ thứ gì.
- Không đặt bất kỳ vật nặng nào trên máy chiếu hoặc cáp kết nối.
- Không được dựng đứng máy chiếu theo chiều dọc. Làm như vậy có thể khiến máy chiếu bị đổ, gây thương tích cho người hoặc trục trặc máy chiếu.
- Tránh để máy chiếu tiếp xúc với ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc các nguồn nhiệt duy trì khác. Không lắp đặt gần bất kỳ nguồn nhiệt nào như bộ tản nhiệt, cửa gió, bếp hoặc các thiết bị khác (bao gồm bộ khuếch đại) có thể làm tăng nhiệt độ của máy chiếu đến mức nguy hiểm.

- Không đặt chất lỏng gần hoặc trên máy chiếu. Chất lỏng tràn vào máy chiếu có thể khiến nó bị hỏng. Nếu máy chiếu bị ướt, hãy ngắt kết nối nó khỏi nguồn điện và gọi cho trung tâm bảo hành địa phương của bạn để bảo hành máy chiếu.
- Khi máy chiếu đang hoạt động, bạn có thể cảm nhận được một chút hơi nóng và mùi từ khe thông gió của máy. Điều này là bình thường và không phải là một khiếm khuyết.
- Không tìm cách phá vỡ các quy định an toàn của phích cắm phân cực hoặc kiểu nối đất. Phích cắm phân cực có hai chấu dẹt, một chấu rộng hơn chấu kia. Phích cắm kiểu nối đất có hai chấu dẹt và một chấu thứ ba nối đất. Chấu dẹt thứ ba nhằm đảm bảo an toàn cho bạn. Nếu phích cắm không vừa với ổ cắm của bạn, hãy lấy một phích cắm chuyển và không cố ấn phích cắm vào ổ cắm.
- Khi kết nối với ổ cắm điện, KHÔNG được gỡ bỏ chấu nối đất. Vui lòng đảm bảo KHÔNG BAO GIỜ ĐƯỢC GỠ BỎ các chấu nối đất.
- Bảo vệ dây điện để không bị dẫm lên hoặc bị kẹp, đặc biệt tại phích cắm, và tại nơi dây điện đi ra từ máy chiếu.
- Tại một số quốc gia, điện áp KHÔNG ổn định. Máy chiếu này được thiết kế để hoạt động an toàn trong phạm vi điện áp từ 100 đến 240 vôn AC, nhưng có thể bị hỏng nếu xảy ra cắt điện hoặc tăng giảm đột ngột  $\pm 10$  vôn. Ở những nơi điện áp có thể dao động hoặc bị cắt, bạn nên kết nối máy chiếu thông qua bộ ổn định nguồn, thiết bị chống sét hoặc bộ lưu điện (UPS).
- Nếu có khói, tiếng ồn bất thường hoặc mùi lạ, hãy tắt máy chiếu ngay lập tức và gọi cho đại lý của bạn hoặc ViewSonic®. Sẽ nguy hiểm nếu tiếp tục sử dụng máy chiếu.
- Chỉ sử dụng những đồ đi kèm/phụ kiện được quy định bởi nhà sản xuất.
- Rút dây nguồn khỏi ổ điện AC nếu máy chiếu không được sử dụng trong một thời gian dài.
- Tham khảo tất cả về bảo trì từ chuyên viên bảo trì được chứng nhận.



**THẬN TRỌNG:** Sản phẩm này phát ra bức xạ quang học có thể gây nguy hiểm. Như với bất kỳ nguồn ánh sáng chói nào, không được nhìn thẳng vào chùm sáng, RG2 IEC 62471-5:2015.



# Phòng ngừa an toàn - Gắn trần

Vui lòng đọc mục **Phòng ngừa an toàn** sau đây trước khi bạn bắt đầu sử dụng máy chiếu.

Nếu bạn có ý định gắn máy chiếu lên trần nhà, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng bộ giá treo trần máy chiếu phù hợp và bạn cần đảm bảo nó được lắp đặt chắc chắn và an toàn.

Nếu bạn sử dụng một bộ giá treo trần máy chiếu không phù hợp thì máy chiếu có rủi ro rơi xuống từ trần nhà do gắn không đúng cách khi sử dụng sai kích thước hoặc chiều dài vít.

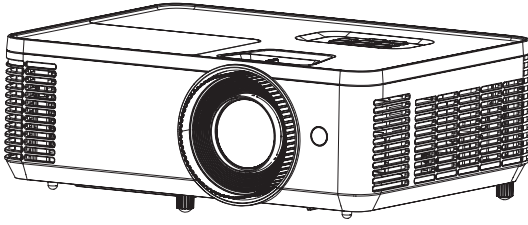
# Mục lục

<b>Phòng ngừa an toàn - Chung .....</b>	<b>3</b>
<b>Phòng ngừa an toàn - Gắn trần.....</b>	<b>5</b>
<b>Giới thiệu .....</b>	<b>9</b>
Nội dung gói sản phẩm .....	9
Tổng quan về sản phẩm.....	10
Máy chiếu.....	10
Bàn phím .....	11
Đèn báo .....	12
Cổng ra/vào.....	13
Điều khiển từ xa .....	14
<b>Thiết lập ban đầu .....</b>	<b>18</b>
Chọn vị trí - Hướng máy chiếu .....	18
Kích thước chiếu .....	19
Lắp đặt máy chiếu .....	21
Sử dụng thanh bảo vệ.....	21
<b>Thực hiện các kết nối.....</b>	<b>22</b>
Kết nối nguồn điện .....	22
Kết nối thiết bị ngoại vi.....	23
Kết nối HDMI .....	23
Kết Nối Âm Thanh .....	24
Kết Nối qua USB Type A .....	25
Kết Nối RS-232.....	26
<b>Sử dụng máy chiếu .....</b>	<b>27</b>
Khởi động máy chiếu .....	27
Chọn Nguồn Vào.....	28
Menu Trợ giúp.....	29
Điều chỉnh hình chiếu .....	32
Điều chỉnh chiều cao máy chiếu và góc chiếu .....	32
Điều chỉnh Lấy nét, Keystone và Zoom .....	33
Tắt máy chiếu .....	34

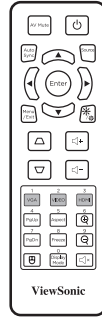
<b>Vận hành máy chiếu .....</b>	<b>35</b>
Menu màn hình (OSD) .....	35
Menu điều hướng.....	36
Cây menu màn hình (OSD).....	37
Thao tác menu.....	43
Image Menu (Menu hình ảnh) .....	43
Display Menu (Menu hiển thị).....	45
Setup Menu (Menu cài đặt) .....	48
Options Menu (Menu tùy chọn).....	50
<b>Phụ lục .....</b>	<b>53</b>
Thông số kỹ thuật .....	53
Kích thước máy chiếu .....	54
Biểu đồ định giờ .....	55
HDMI 3D.....	56
Khắc phục sự cố.....	57
Đèn báo LED .....	59
Bảo dưỡng.....	60
Biện pháp phòng ngừa chung .....	60
Vệ sinh ống kính .....	60
Lau vỏ máy chiếu.....	60
Cất giữ máy chiếu.....	60
<b>Thông Tin Dịch Vụ và Quy Định.....</b>	<b>61</b>
Thông tin tuân thủ .....	61
Tuyên bố Tuân thủ FCC .....	61
Tuyên bố của Bộ Công nghiệp Canada .....	61
Tuân thủ CE đối với các nước châu Âu.....	61
Tuyên bố tuân thủ RoHS2 .....	62
Hạn chế của Ấn Độ về các chất độc hại.....	63
Thải bỏ sản phẩm khi hết tuổi thọ .....	63
Thông Tin Bản Quyền .....	64
Dịch vụ Khách hàng .....	65
Bảo hành hạn chế.....	66

# Giới thiệu

## Nội dung gói sản phẩm



1



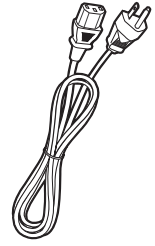
2



3



4



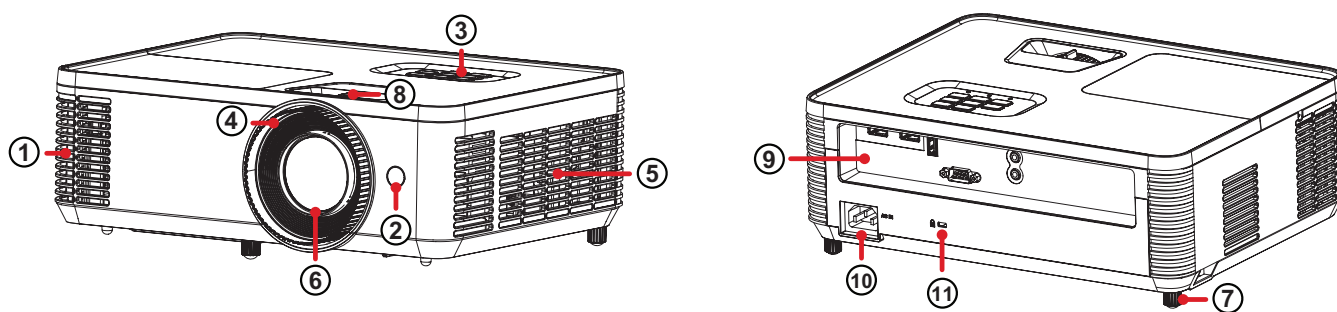
5

Số	Mô tả
1	Máy chiếu
2	Điều khiển từ xa
3	Pin
4	Hướng dẫn khởi động nhanh
5	Dây nguồn

**LƯU Ý:** Dây nguồn và bộ điều khiển từ xa đi kèm sản phẩm có thể khác nhau tùy vào quốc gia của bạn. Vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng tại địa phương để biết thêm thông tin.

# Tổng quan về sản phẩm

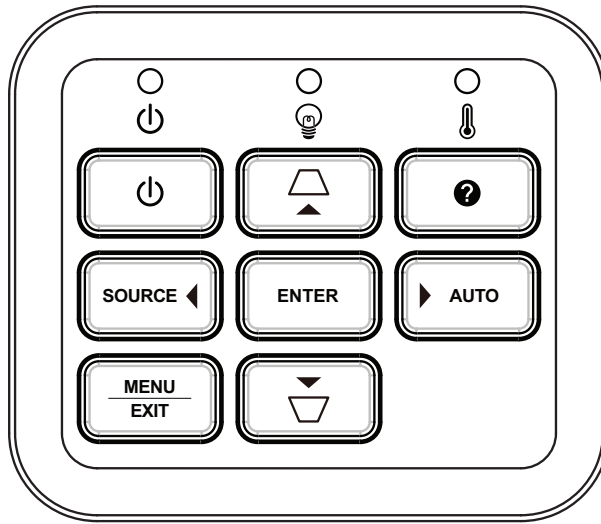
## Máy chiếu



Số	Mô tả
1	Thông gió (đầu ra)
2	Bộ thu hồng ngoại
3	Bàn phím
4	Vòng điều tiêu
5	Thông gió (đầu vào)
6	Ống kính máy chiếu
7	Chân điều chỉnh
8	Vòng zoom
9	Cổng ra/vào
10	Đầu vào điện AC
11	Khóa bảo mật




**LƯU Ý:** Không chặn cửa hút và thoát khí của máy chiếu.

## Bàn phím

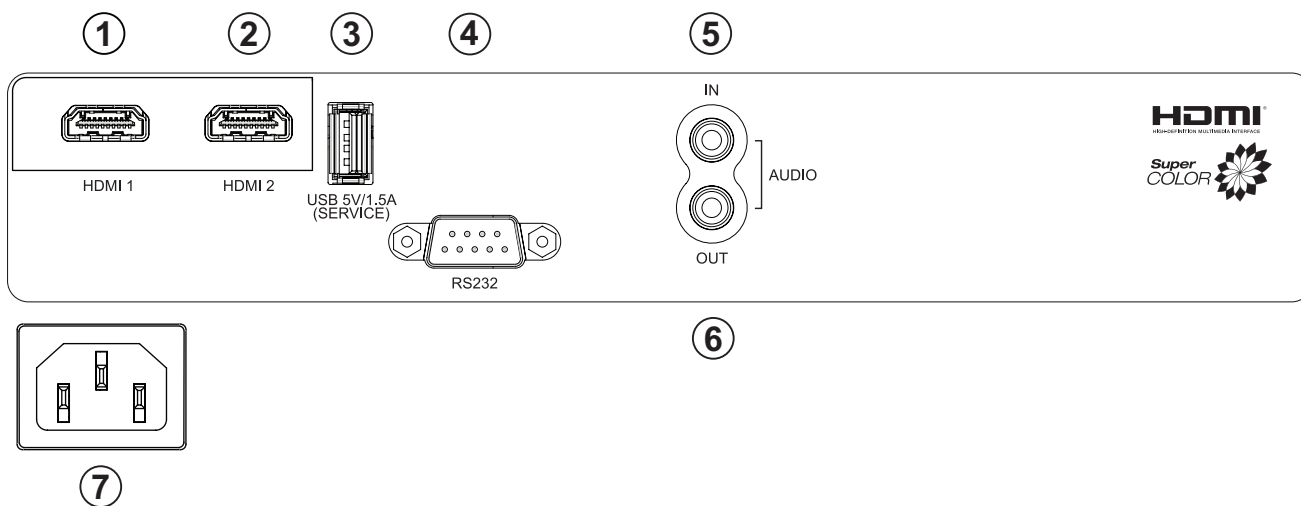


Phím		Mô tả
	<b>Nguồn điện</b>	Chuyển đổi máy chiếu giữa chế độ chờ và bật.
	<b>Keystone (Chỉnh vuông hình)</b>	Chỉnh sửa thủ công các hình ảnh bị méo do chiếu góc khi Menu màn hình (OSD) được kích hoạt.
	<b>Điều hướng</b>	Chọn các mục menu mong muốn và thực hiện các điều chỉnh khi Menu màn hình (OSD) được kích hoạt.
	<b>Menu/Exit</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bật Menu màn hình (OSD).</li> <li>• Trở lại cấp độ trước đó trong Menu OSD.</li> <li>• Thoát và lưu cài đặt menu.</li> </ul>
SOURCE	<b>Source (Nguồn tín hiệu)</b>	Chuyển sang nguồn đầu vào tiếp theo.
	<b>Help (trợ giúp)</b>	Hiển thị menu Trợ giúp.
ENTER	<b>Truy nhập</b>	Xác nhận lựa chọn khi Menu màn hình (OSD) được kích hoạt.
AUTO	<b>Auto (Tự động)</b>	Tự động đồng bộ máy chiếu với nguồn đầu vào.

## Đèn báo

Đèn báo	Mô tả
	Đèn báo nguồn điện
	Đèn báo nguồn sáng
	Đèn báo nhiệt độ

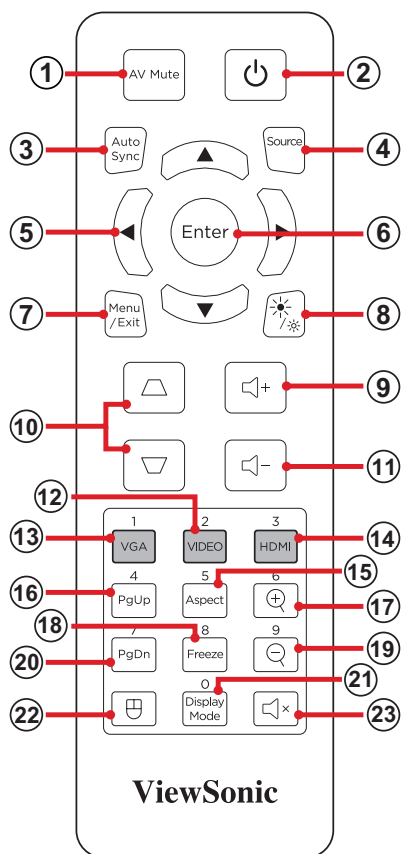
## Cổng ra/vào



















Cổng nối		Mô tả
1	HDMI 1	Cổng HDMI
2	HDMI 2	Cổng HDMI
3	USB (Đầu ra 5V/1,5A) (Bảo dưỡng)	Cổng USB Loại A cho nguồn điện và bảo dưỡng.
4	RS-232	Cổng điều khiển RS-232.
5	Đầu vào âm thanh	Ngõ vào tín hiệu âm thanh.
6	Đầu ra âm thanh	Ngõ ra tín hiệu âm thanh.
7	Đầu vào điện AC	Ổ cắm đầu vào điện AC



## Điều khiển từ xa



Nút		Mô tả	
1	Tắt âm và màn hình		Ấn và khôi phục hình ảnh màn hình và tắt âm lượng
2	Nguồn điện		Bật hoặc Tắt máy chiếu
3	Đồng bộ tự động		Tự động đồng bộ máy chiếu với nguồn đầu vào.
4	Nguồn tín hiệu		Chuyển sang nguồn đầu vào tiếp theo.
5	Nút điều hướng		Điều hướng và chọn các mục menu mong muốn cũng như thực hiện các điều chỉnh khi Menu màn hình (OSD) được bật.
6	Truy nhập		Xác nhận lựa chọn khi Menu màn hình (OSD) được kích hoạt.
7	Menu/Exit		<ul style="list-style-type: none"> <li>Bật hoặc tắt Menu màn hình (OSD).</li> <li>Quay lại Menu OSD trước đó.</li> <li>Thoát và Lưu cài đặt menu.</li> </ul>
8	Độ sáng		Hiện thị thanh lựa chọn độ sáng.
9	Tăng âm lượng		Tăng mức âm lượng.

Nút		Mô tả	
10	Chỉnh vuông hình		Hiệu chỉnh thủ công cho hình ảnh biến dạng
11	Giảm âm lượng		Giảm mức âm lượng.
12	Video		Nút không được hỗ trợ
13	VGA		Nút không được hỗ trợ
14	HDMI		Chọn nguồn đầu vào <b>HDMI 1</b> hoặc <b>HDMI 2</b> .
15	Tính năng		Hiển thị thanh chọn định dạng.
16	Cuộn trang lên		Vận hành chương trình phần mềm hiển thị của bạn (trên máy tính được kết nối) phản hồi các lệnh lên trang (như Microsoft PowerPoint). <b>LƯU Ý:</b> PC và máy chiếu cần kết nối qua USB.
17	Phóng to		Tăng kích thước hình ảnh chiếu.
18	Tạm dừng hình		Dừng/không dừng hình ảnh được chiếu.
19	Thu nhỏ		Giảm kích thước hình ảnh chiếu.
20	Cuộn trang xuống		Vận hành chương trình phần mềm hiển thị của bạn (trên PC được kết nối) phản hồi các lệnh xuống trang (như Microsoft PowerPoint). <b>LƯU Ý:</b> PC và máy chiếu cần kết nối qua USB.
21	Chế độ hiển thị		Hiển thị thanh lựa chọn chế độ hiển thị.
22	Chế độ chuột		Bật/Tắt chức năng chuột.
23	Tắt âm		Tắt âm/Bật âm.

## Sử dụng Chế độ Chuột Điều khiển Từ xa và Chức năng Lên/Xuống Trang

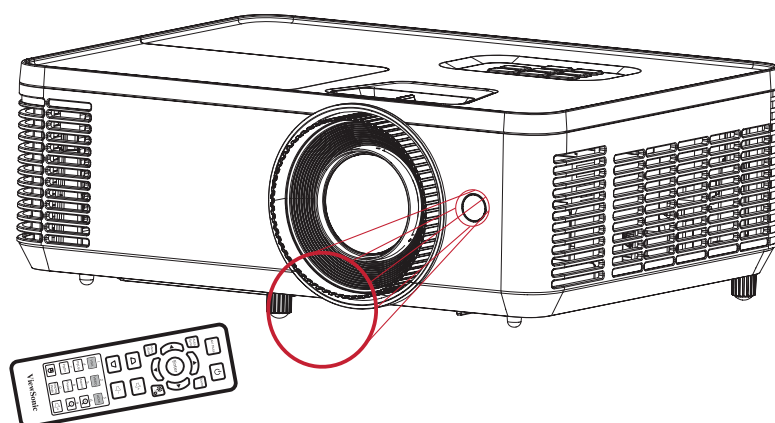
1. Kết nối PC/Notebook với máy chiếu qua cổng HDMI và USB.
2. Thiết lập nguồn đầu vào cho máy tính
3. **Nhấn** nút Chế độ chuột trên điều khiển từ xa để vận hành chương trình phần mềm được hiển thị của bạn bằng các lệnh Lên/Xuống Trang (như Microsoft PowerPoint).

## Điều Khiển Từ Xa - Phạm Vi Hoạt Động Bộ Nhận Tín Hiệu

Để đảm bảo chức năng điều khiển từ xa hoạt động thích hợp, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Điều khiển từ xa phải được giữ ở một góc 30 độ vuông góc với (các) cảm biến điều khiển từ xa IR (hồng ngoại) trên máy chiếu.
2. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và (các) cảm biến không được vượt quá 10 m (32,8 feet).

**LƯU Ý:** Tham khảo hình minh họa về vị trí của (các) cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại.



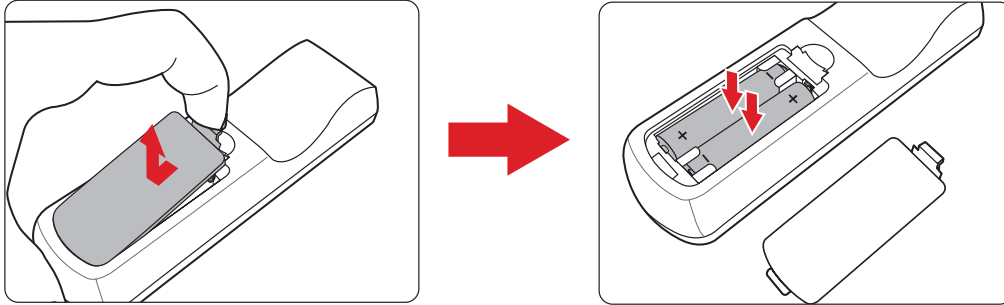
Khoảng 30°

## Điều khiển từ xa - Thay pin

1. Tháo nắp pin ra khỏi phần dưới điều khiển từ xa bằng cách ấn bầu chặt ngón tay và trượt ra.
2. Tháo mọi viên pin hiện có (nếu cần) và lắp hai viên pin AAA.

**LƯU Ý:** Quan sát các cực pin như chỉ định.

3. Đậy nắp pin lại bằng cách căn nó thẳng với đế và đẩy trở về đúng vị trí.



### LƯU Ý:

- Tránh để điều khiển từ xa và pin trong môi trường quá nóng hoặc ẩm ướt.
- Chỉ thay thế bằng loại pin giống nhau hoặc tương đương được nhà sản xuất pin khuyến dùng.
- Nếu các viên pin bị cạn kiệt hoặc nếu bạn không sử dụng điều khiển từ xa trong một thời gian dài, hãy tháo chúng ra để tránh làm hỏng điều khiển từ xa.
- Thải bỏ pin đã qua sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và các quy định về môi trường tại địa phương cho khu vực của bạn.

# Thiết lập ban đầu

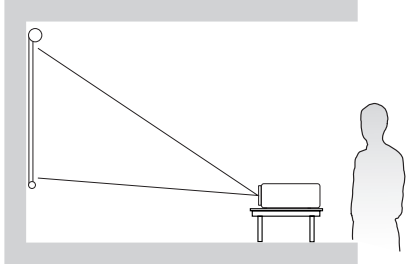
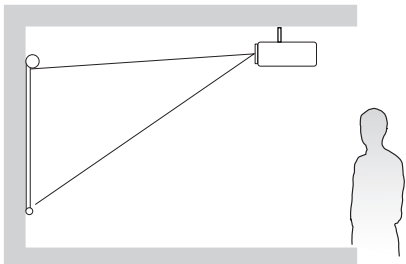
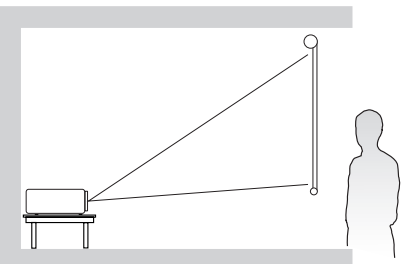
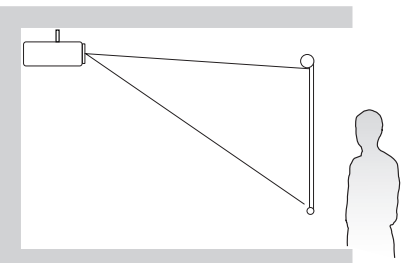
Phần này cung cấp hướng dẫn chi tiết về cách thiết lập ban đầu cho máy chiếu của bạn.

## Chọn vị trí - Hướng máy chiếu

Sở thích cá nhân và cách bố trí phòng sẽ quyết định vị trí lắp đặt. Hãy xem xét những điều sau:

- Kích thước và vị trí màn hình của bạn.
- Vị trí ổ cắm điện phù hợp.
- Vị trí và khoảng cách giữa máy chiếu và các thiết bị khác.

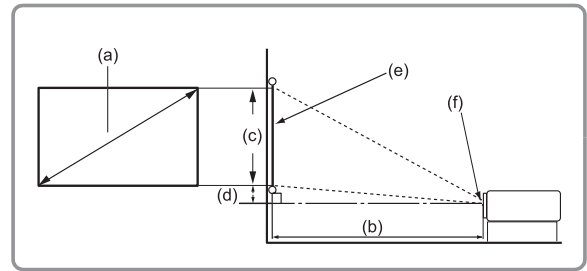
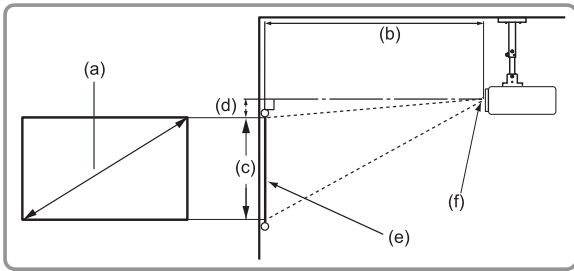
Máy chiếu được thiết kế để được cài đặt tại một trong các vị trí sau:

Vị trí	
<p><b>Bàn phía trước</b> Máy chiếu được đặt gần sàn nhà phía trước màn hình.</p>	
<p><b>Trần phía trước</b> Máy chiếu được treo ngược từ trần nhà xuống phía trước màn hình.</p>	
<p><b>Bàn phía sau<sup>1</sup></b> Máy chiếu được đặt gần sàn nhà phía sau màn hình.</p>	
<p><b>Trần phía sau<sup>1</sup></b> Máy chiếu được treo ngược từ trần nhà phía sau màn hình.</p>	

<sup>1</sup> Bắt buộc phải trang bị màn hình chiếu phía sau.

# Kích thước chiếu

- Hình 16:9 trên màn hình 16:9



## LƯU Ý:

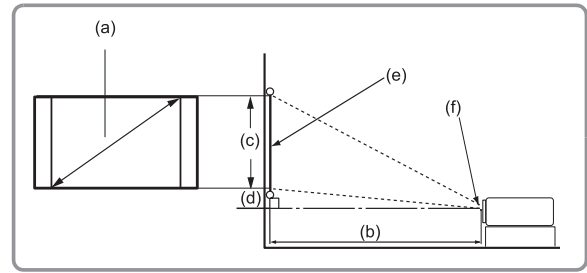
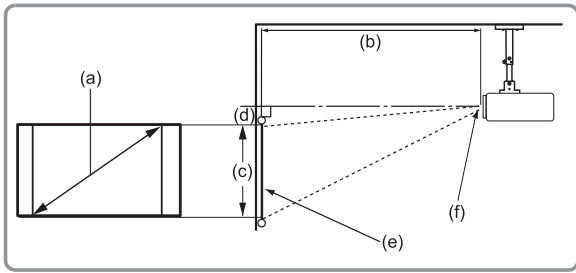
- (e) = Màn hình
- (f) = Tâm thấu kính

(a) Kích thước màn hình		(b) Khoảng cách chiếu				(c) Chiều cao hình		(d) Độ Lệch Dọc	
inch	mm	Tối thiểu		Tối đa		inch	mm	inch	mm
30	762	38,70	983	42,36	1076	14,71	374	2,35	60
40	1016	51,60	1311	56,48	1435	19,61	498	3,14	80
50	1270	64,50	1638	70,60	1793	24,51	623	3,92	100
60	1524	77,40	1966	84,72	2152	29,42	747	4,71	120
70	1778	90,30	2293	98,84	2510	34,32	872	5,49	139
80	2032	103,19	2621	112,96	2869	39,22	996	6,28	159
90	2286	116,09	2949	127,08	3228	44,12	1121	7,06	179
100	2540	128,99	3276	141,20	3586	49,03	1245	7,84	199
110	2794	141,89	3604	155,31	3945	53,93	1370	8,63	219
120	3048	154,79	3932	169,43	4304	58,83	1494	9,41	239
130	3302	167,69	4259	183,55	4662	63,73	1619	10,20	259
140	3556	180,59	4587	197,67	5021	68,64	1743	10,98	279
150	3810	193,49	4915	211,79	5380	73,54	1868	11,77	299
200	5080	257,99	6553	282,39	7173	98,05	2491	15,69	398
250	6350	322,48	8191	352,99	8966	122,57	3113	19,61	498
300	7620	386,95	9829	423,59	10759	147,08	3736	23,53	598

## LƯU Ý:

- Các hình ảnh này chỉ để tham chiếu. Vui lòng xem máy chiếu thực tế để biết kích thước chính xác.
- Theo khuyến nghị, nếu bạn có ý định lắp đặt máy chiếu cố định, hãy kiểm tra thực tế kích thước và khoảng cách chiếu bằng cách sử dụng một máy chiếu thực sự đặt tại vị trí trước khi lắp đặt cố định.

- Hình ảnh kích thước 16:9 trên màn hình 4:3



### LƯU Ý:

- (e) = Màn hình
- (f) = Tâm thấu kính

(a) Kích thước màn hình		(b) Khoảng cách chiếu				(c) Chiều cao hình		(d) Độ Lệch Dọc	
		Tối thiểu		Tối đa					
inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm
30	762	35,53	902	38,88	988	13,50	343	2,16	55
40	1016	47,36	1203	51,84	1317	18,00	457	2,88	73
50	1270	59,20	1504	64,80	1646	22,50	572	3,60	91
60	1524	71,04	1804	77,76	1975	27,00	686	4,32	110
70	1778	82,88	2105	90,72	2304	31,50	800	5,04	128
80	2032	94,72	2406	103,68	2633	36,00	914	5,76	146
90	2286	106,56	2707	116,64	2963	40,50	1029	6,48	165
100	2540	118,40	3007	129,60	3292	45,00	1143	7,20	183
110	2794	130,24	3308	142,56	3621	49,50	1257	7,92	201
120	3048	142,08	3609	155,52	3950	54,00	1372	8,64	219
130	3302	153,92	3910	168,48	4279	58,50	1486	9,36	238
140	3556	165,76	4210	181,44	4609	63,00	1600	10,08	256
150	3810	177,60	4511	194,40	4938	67,50	1715	10,80	274
200	5080	236,80	6015	259,20	6584	90,00	2286	14,40	366
250	6350	296,00	7518	324,00	8230	112,50	2858	18,00	457
300	7620	355,20	9022	388,80	9876	135,00	3429	21,60	549

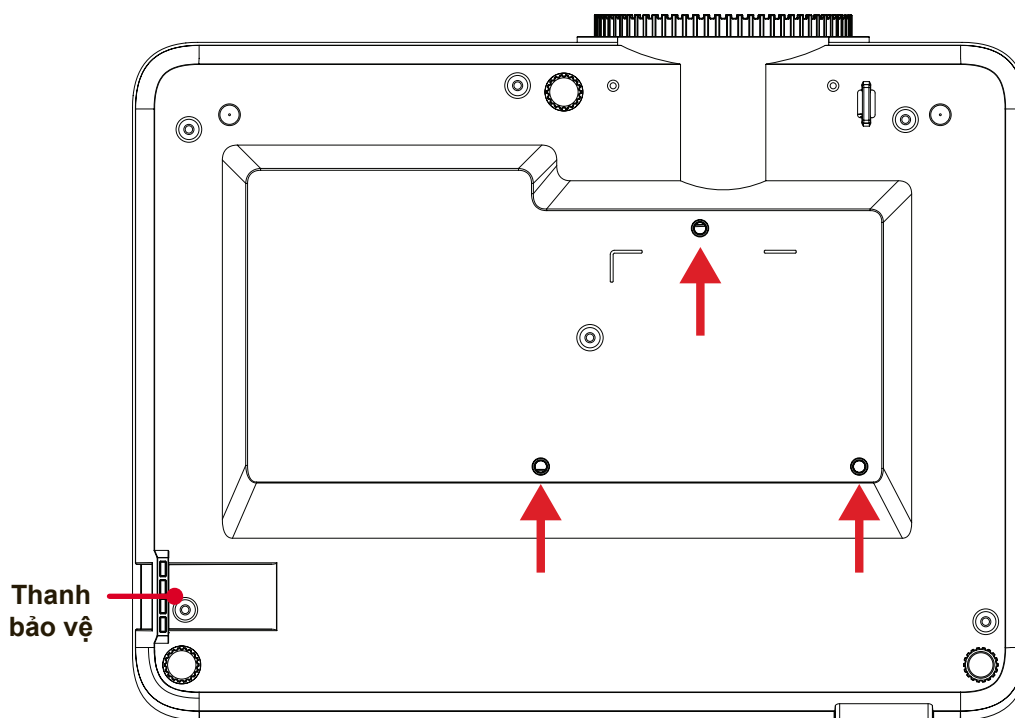
### LƯU Ý:

- Các hình ảnh này chỉ để tham chiếu. Vui lòng xem máy chiếu thực tế để biết kích thước chính xác.
- Theo khuyến nghị, nếu bạn có ý định lắp đặt máy chiếu cố định, hãy kiểm tra thực tế kích thước và khoảng cách chiếu bằng cách sử dụng một máy chiếu thực sự đặt tại vị trí trước khi lắp đặt cố định.

# Lắp đặt máy chiếu

**LƯU Ý:** Nếu bạn mua giá treo của bên thứ ba, hãy sử dụng kích thước vít chính xác. Cỡ vít sẽ khác nhau tùy thuộc vào độ dày của tấm treo.

1. Để đảm bảo lắp đặt máy chiếu an toàn nhất, hãy sử dụng giá treo tường hoặc trần ViewSonic®.
2. Đảm bảo sử dụng các vít để gắn giá treo vào máy chiếu đáp ứng các thông số kỹ thuật sau:
  - Loại vít: M4 x 7
  - Chiều dài vít tối đa: 7 mm



## THẬN TRỌNG:

- Không lắp máy chiếu gần nguồn nhiệt hoặc máy điều hòa.
- Luôn chừa lại một khoảng hở ít nhất 10 cm (3,9 inch) giữa trần nhà và đáy máy chiếu.

## Sử dụng thanh bảo vệ

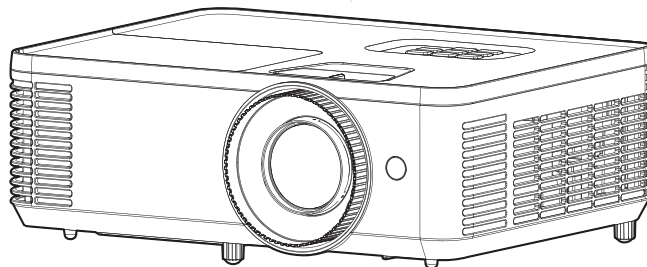
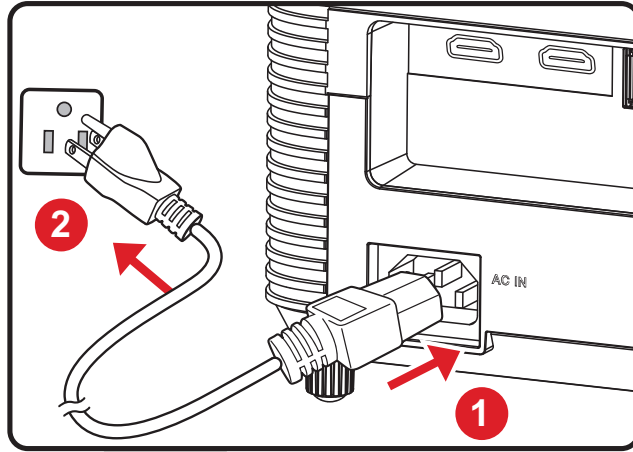
Để tránh máy chiếu bị đánh cắp, hãy sử dụng thiết bị khóa khe cắm an toàn để cố định máy chiếu vào một vật cố định.



# Thực hiện các kết nối

## Kết nối nguồn điện

1. Kết nối dây nguồn với jack AC IN ở phía sau của máy chiếu.
2. Cắm dây nguồn vào ổ cắm điện.

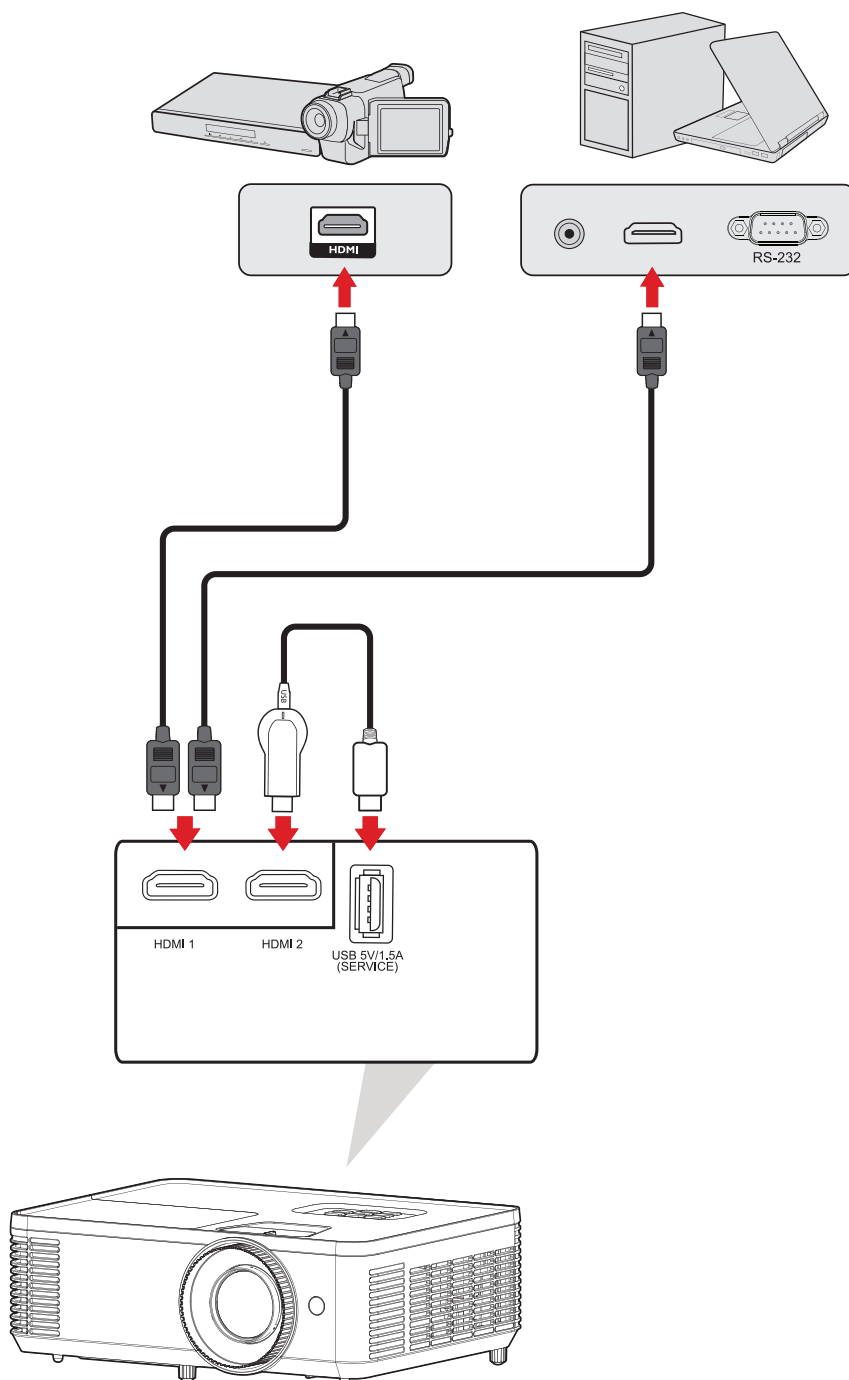


**LƯU Ý:** Khi lắp đặt máy chiếu, kết hợp thiết bị ngắt kết nối dễ tiếp cận nhanh trong hệ thống dây điện cố định hoặc cắm phích điện vào ổ cắm dễ tiếp cận gần thiết bị. Nếu xảy ra lỗi trong quá trình vận hành máy chiếu, hãy sử dụng thiết bị ngắt kết nối để tắt nguồn điện hoặc ngắt kết nối phích điện.

# Kết nối thiết bị ngoại vi

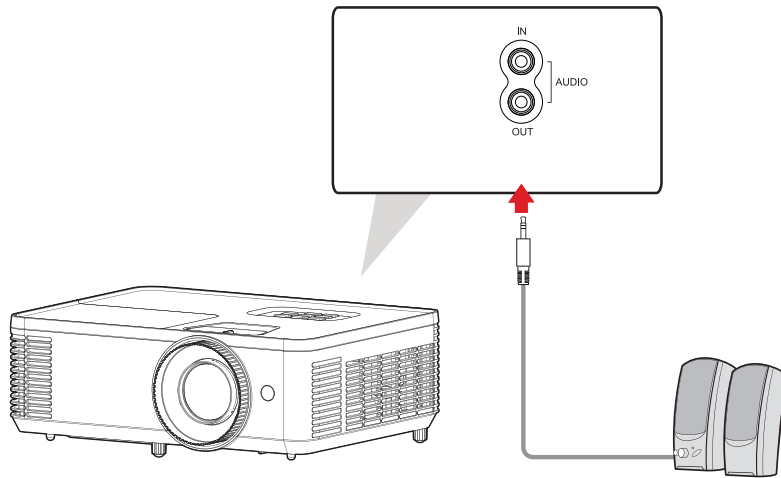
## Kết nối HDMI

Cắm một đầu cáp HDMI vào cổng HDMI trên thiết bị video. Sau đó cắm đầu cáp còn lại vào cổng **HDMI 1/2** trên máy chiếu.



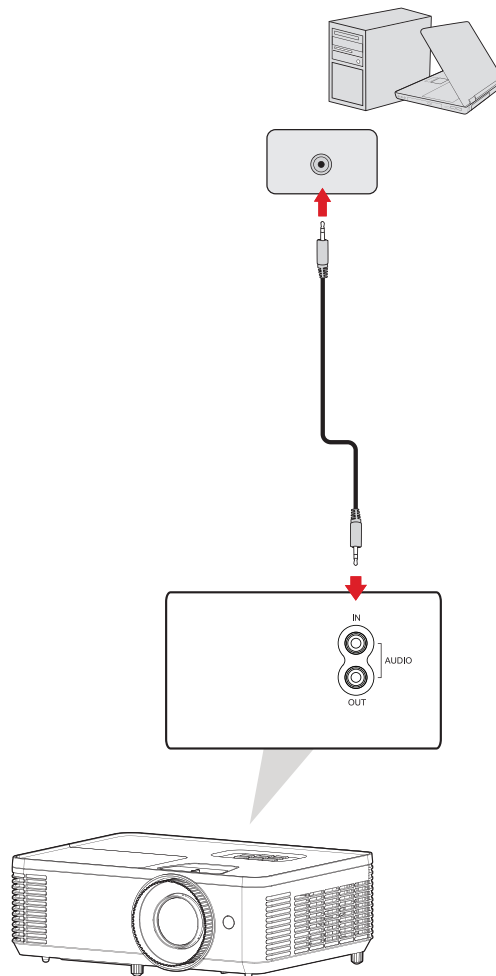
## Kết Nối Âm Thanh

Bạn có thể kết nối với nhiều thiết bị phát âm thanh bên ngoài khác nhau qua các cổng **AUDIO OUT**.



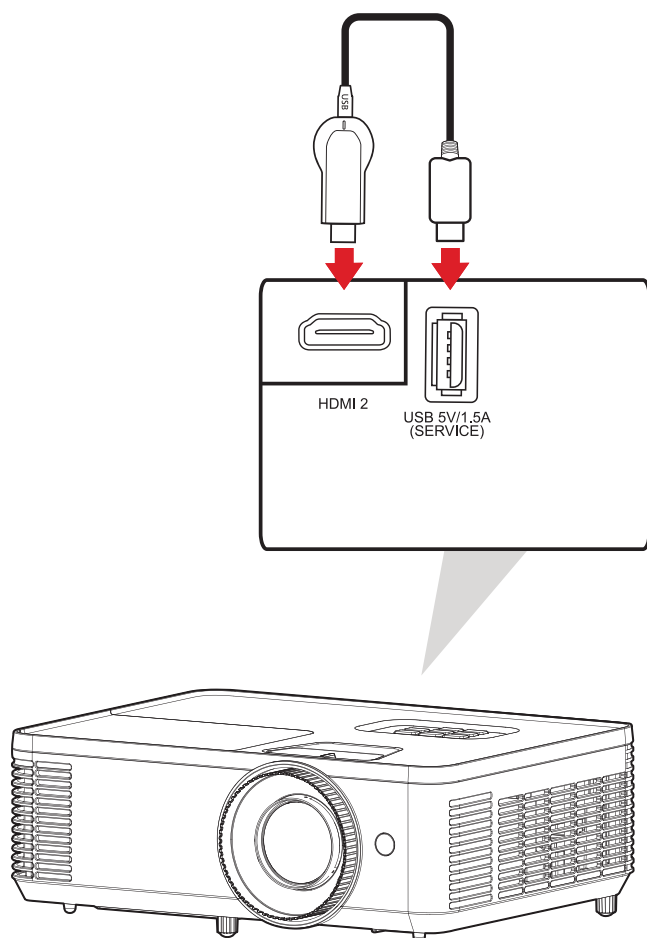
Ngoài ra, bạn có thể kết nối tới cổng **AUDIO IN** với thiết bị của mình để sử dụng đầu phát âm thanh của máy chiếu.

**LƯU Ý:** Nguồn vào âm thanh (**Audio Input**) cần được đặt thành **AUDIO1** trong Menu OSD.



## Kết Nối qua USB Type A

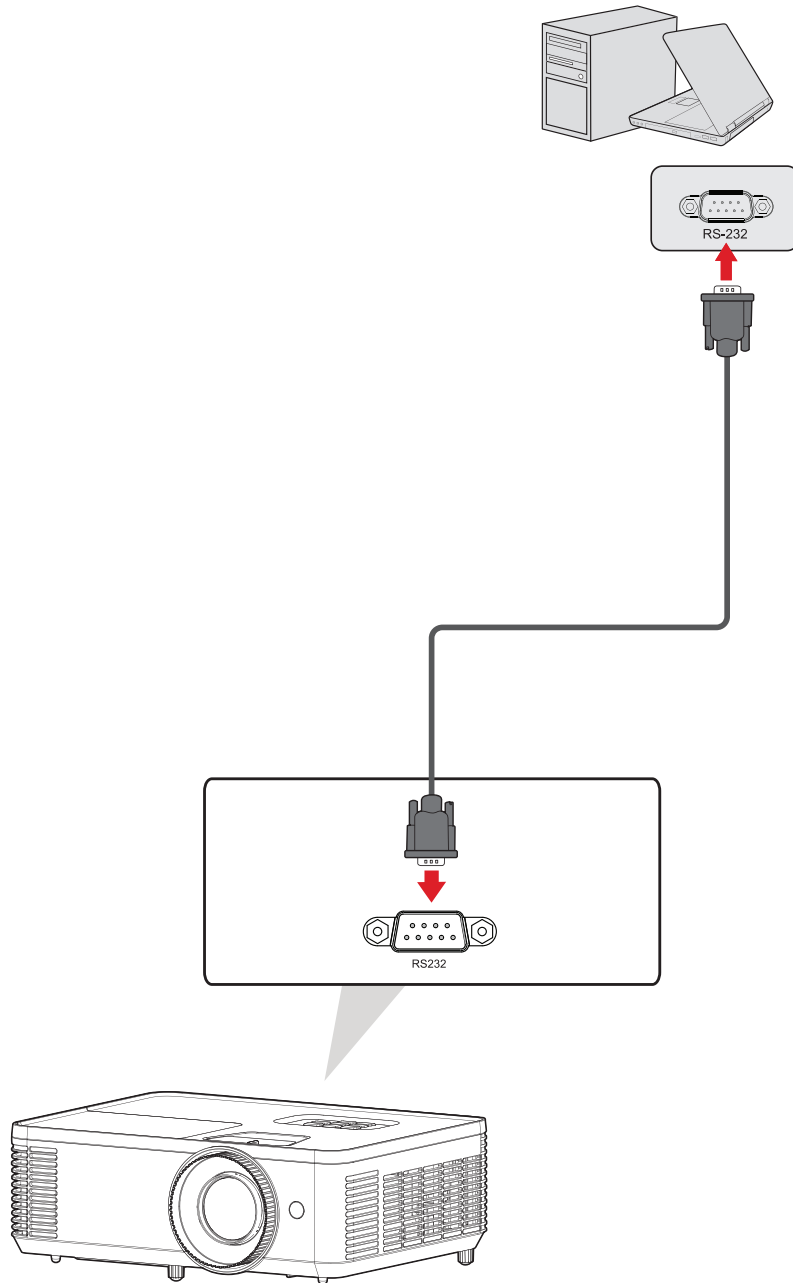
Cổng USB dành cho: Bảo dưỡng và thiết bị HDMI.



**LƯU Ý:** Cổng USB Loại A hỗ trợ đầu ra nguồn 5V/1,5A để sạc dongle HDMI.

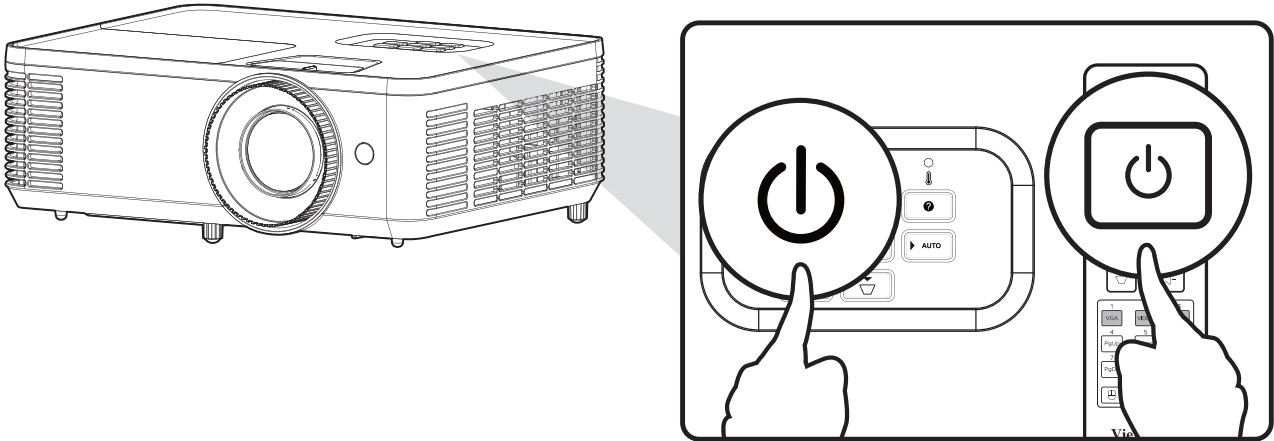
## Kết Nối RS-232

Khi bạn sử dụng cáp cổng nối tiếp RS-232 để kết nối máy chiếu với máy tính ngoài, một số chức năng nhất định có thể được điều khiển từ xa bằng máy tính, bao gồm Bật/Tắt nguồn, điều chỉnh âm lượng, chọn nguồn vào, v.v.



# Sử dụng máy chiếu

## Khởi động máy chiếu



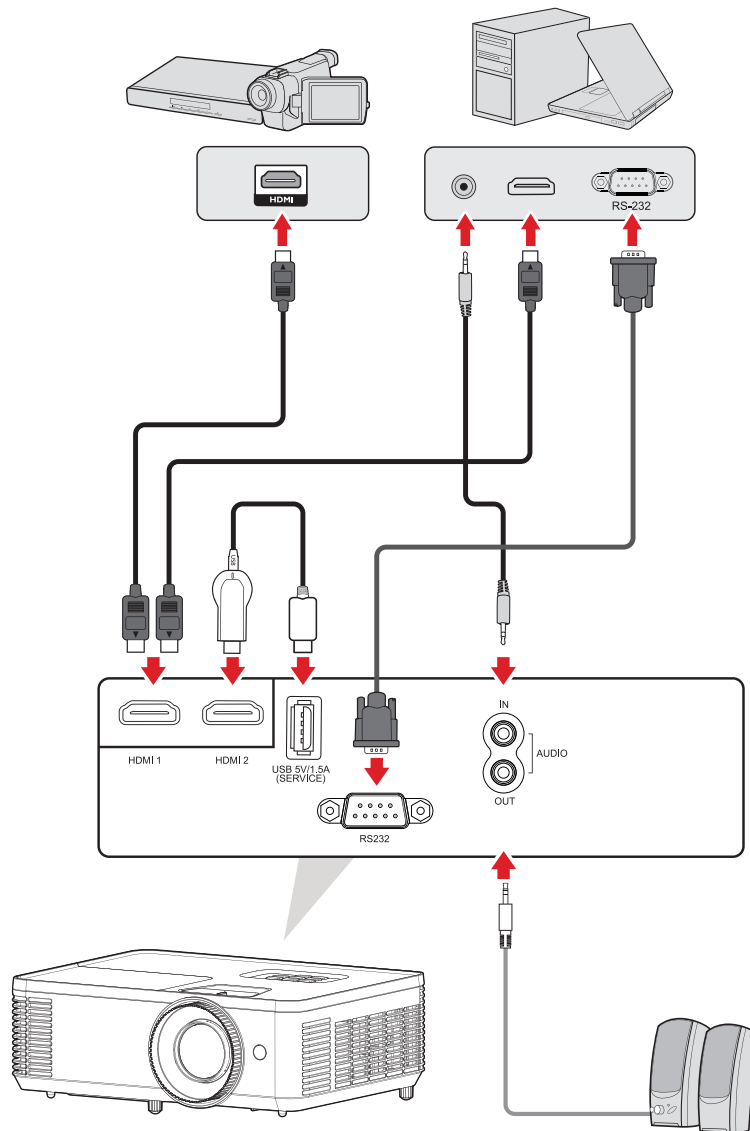
1. Đảm bảo dây nguồn máy chiếu được kết nối đúng cách với ổ cắm điện.
2. Nhấn nút **Power (Nguồn)** trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa để bật máy chiếu

### LƯU Ý:

- Đèn báo nguồn sẽ nhấp nháy màu xanh lam trong khi khởi động.
- Không thể tắt máy chiếu trong vòng một phút sau khi khởi động.

# Chọn Nguồn Vào

Có thể kết nối máy chiếu với nhiều thiết bị cùng một lúc. Tuy nhiên, mỗi lần nó chỉ có thể hiển thị một màn hình đầy đủ.

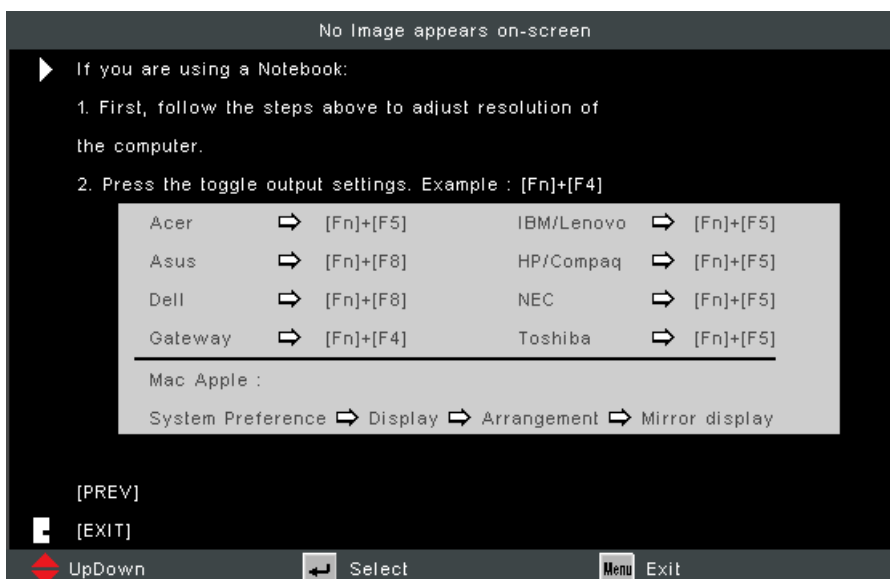
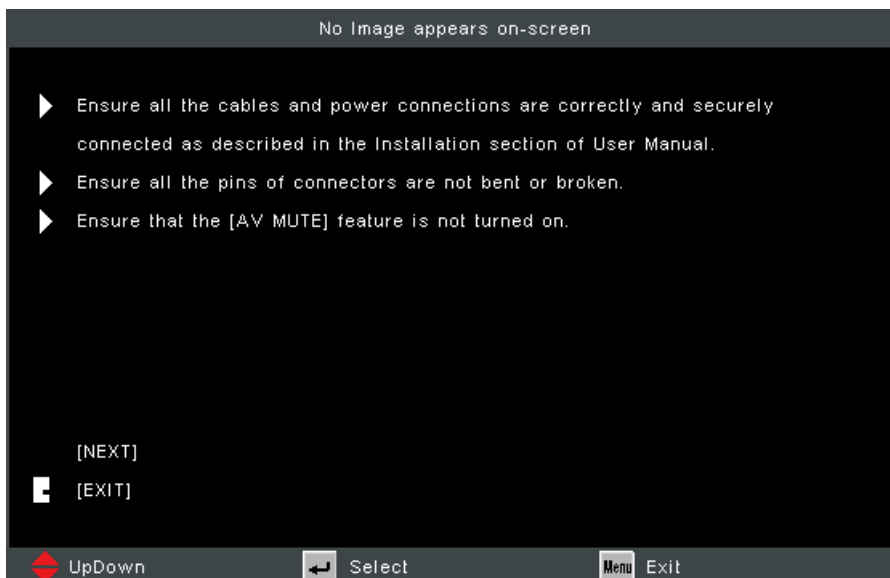
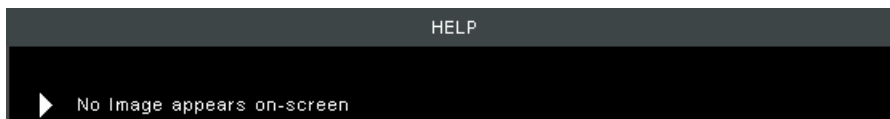


Máy chiếu sẽ tự động dò tìm các nguồn đầu vào. Nếu đang kết nối với nhiều nguồn, nhấn nút **Source (Nguồn tín hiệu)** trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa để chọn đầu vào mong muốn.

**LƯU Ý:** Ngoài ra, cũng đảm bảo đã bật các nguồn tín hiệu vừa kết nối.

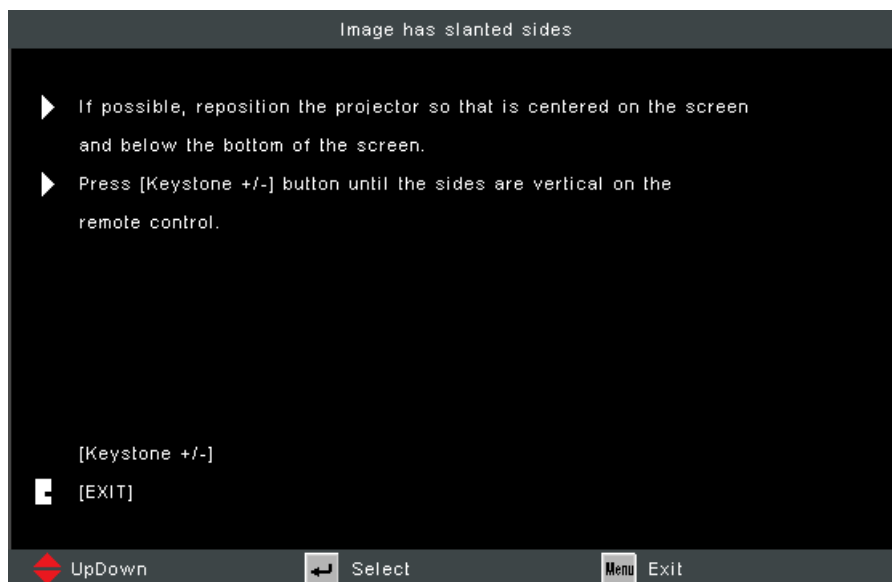
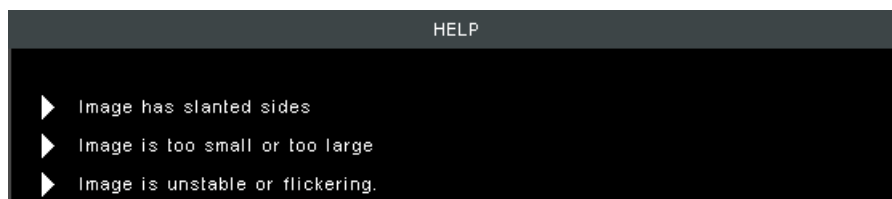
## Menu Trợ giúp

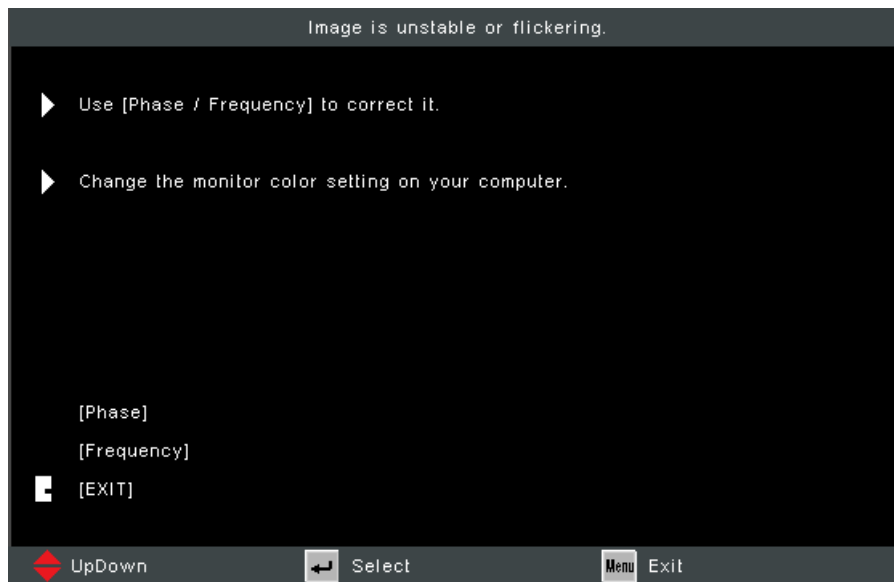
Nếu không tìm thấy nguồn đầu vào, “Menu Trợ giúp” bên dưới sẽ được hiển thị.





Nếu phát hiện thấy nguồn đầu vào, “Menu Trợ giúp” bên dưới sẽ được hiển thị.

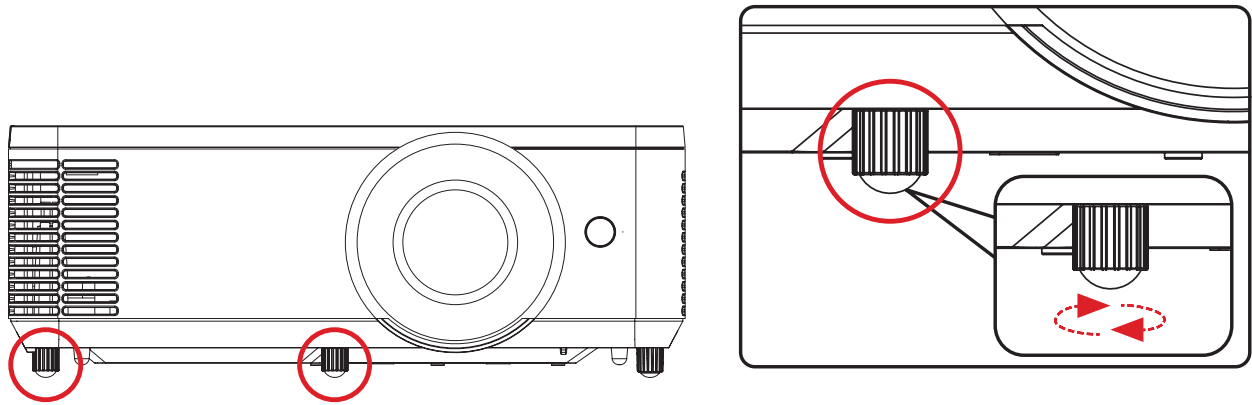




# Điều chỉnh hình chiếu

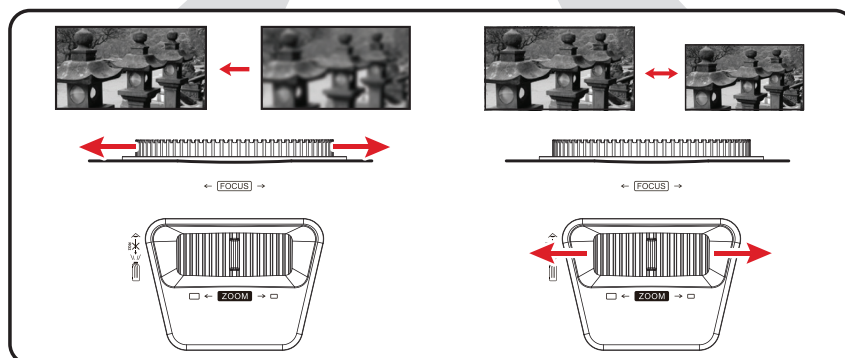
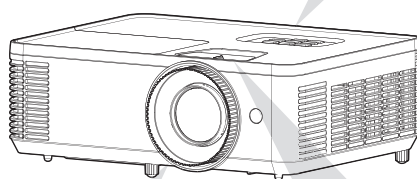
## Điều chỉnh chiều cao máy chiếu và góc chiếu

Máy chiếu được trang bị hai (2) chân điều chỉnh. Khi điều chỉnh chân sẽ làm thay đổi chiều cao của máy chiếu và góc chiếu dọc.



## Điều chỉnh Lấy nét, Keystone và Zoom

Bạn có thể cải thiện và điều chỉnh độ rõ nét cũng như vị trí của hình ảnh bằng cách điều chỉnh **Vòng lấy nét**, **Phím Keystone** hoặc **Vòng thu phóng**.



# Tắt máy chiếu

1. Nhấn nút **Power (Nguồn)** trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa và thông báo “power off” (tắt nguồn) sẽ xuất hiện.

**LƯU Ý:** Không thể tắt máy chiếu trong vòng một phút sau khi khởi động.

2. Nhấn lại nút **Power (Nguồn)** để xác nhận và tắt máy chiếu.

**LƯU Ý:** Các quạt làm mát sẽ tiếp tục hoạt động trong khoảng 10 giây cho chu kỳ làm mát hiện tại và Đèn báo nguồn sẽ nhấp nháy màu xanh lam.

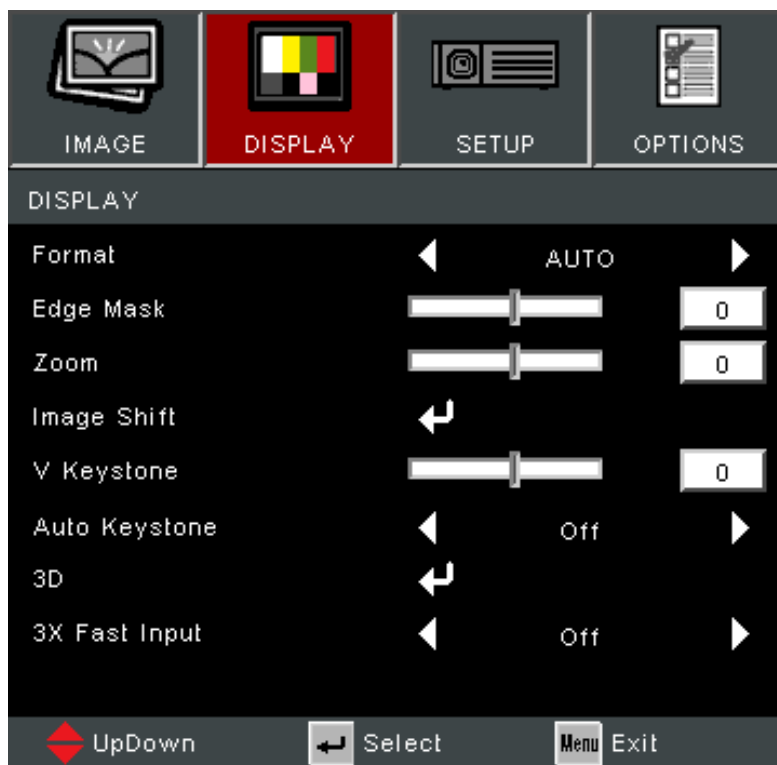
3. Đèn báo nguồn sẽ chuyển sang màu đỏ cố định và chuyển sang chế độ chờ.

**LƯU Ý:** Nếu bạn muốn bật lại máy chiếu, bạn phải đợi cho đến khi chu kỳ làm mát kết thúc và máy chiếu đã chuyển sang chế độ chờ. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút **Power (Nguồn)** để bật máy chiếu.

# Vận hành máy chiếu

## Menu màn hình (OSD)

Máy chiếu có các menu hiển thị trên màn hình đa ngôn ngữ cho phép bạn điều chỉnh hình ảnh và thay đổi nhiều cài đặt khác nhau.



Menu	Mô tả
<b>Image</b> (Hình ảnh)	Điều chỉnh Chế độ hiển thị, Độ sáng, Độ tương phản và các cài đặt liên quan đến hình ảnh khác.
<b>Display</b> (Hỗòùng)	Điều chỉnh cài đặt tỷ lệ khung hình, Thu phóng, Keystone và 3D.
<b>Setup</b> (Cài đặt)	Điều chỉnh cài đặt Ngôn ngữ, Trình chiếu, Bảo mật, Cài đặt âm thanh và HDMI CEC.
<b>Options</b> (Tùy chọn)	Chọn Nguồn đầu vào và điều chỉnh một số cài đặt máy chiếu.

## Menu điều hướng

Máy chiếu có các menu hiển thị trên màn hình đa ngôn ngữ cho phép điều chỉnh hình ảnh và cài đặt.

1. Để mở Menu màn hình (OSD), nhấn nút Menu/Exit trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.
2. Khi OSD được hiển thị, hãy sử dụng các nút **Điều hướng** (▲▼) để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Khi thực hiện lựa chọn trên một trang cụ thể, hãy nhấn nút **Enter** trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa để vào menu con.
3. Sử dụng các nút **Điều hướng** (◀▶) để chọn mục mong muốn trong menu con rồi nhấn **Enter** để xem các cài đặt khác. Điều chỉnh cài đặt bằng cách sử dụng các nút **Điều hướng** (◀▶).
4. Chọn mục tiếp theo cần điều chỉnh trong menu con và điều chỉnh như mô tả ở trên.
5. Nhấn **Enter** để xác nhận và màn hình sẽ trở lại menu trước đó.
6. Để thoát, nhấn lại nút **Menu/Exit**. Menu OSD sẽ đóng lại và máy chiếu sẽ tự động lưu cài đặt mới.

# Cây menu màn hình (OSD)

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu			
Image (Hình ảnh)	Display Mode (Chế độ hiển thị)	Standard (Chuẩn)			
		Bright (Sáng)			
		Movie (Phim)			
		Gaming (Chơi game)			
		Blackboard (Bảng đen)			
		User (Người dùng)			
		3D			
	Brightness (Độ sáng)	(-/+, -50~50)			
	Contrast (Độ tương phản)	(-/+, -50~50)			
	Sharpness (Độ sắc nét)	(-/+, 1~15)			
	Color (Màu sắc)	(-/+, -50~50)			
	Tint (Sắc độ)	(-/+, -50~50)			
	Display (Höông)	Advanced (Nâng cao)		Gamma	Film (Phim)
Video					
Graphics (Đồ họa)					
Standard (Chuẩn)					
BrilliantColor™			(-/+, 1~10)		
Color Temp (Nhiệt độ màu)			Warm (Nóng)		
			Medium (Trung bình)		
			Cold (Tông màu lạnh)		
Color Settings (Cài đặt màu sắc)			Red (Đỏ)	Hue (Độ màu)	(-/+, -50~50)
				Saturation (Độ bão hòa)	(-/+, -50~50)
		Gain (Tăng cường)		(-/+, -50~50)	
		Exit (Thoát)			
		Green (Lục)	Hue (Độ màu)	(-/+, -50~50)	
	Saturation (Độ bão hòa)		(-/+, -50~50)		
	Gain (Tăng cường)		(-/+, -50~50)		
	Exit (Thoát)				



Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu				
Display (Höông)	Advanced (Nâng cao)	Color Settings (Cài đặt màu sắc)	Blue (Lam)	Hue (Độ màu)	(-/+ , -50~50)	
				Saturation (Độ bão hòa)	(-/+ , -50~50)	
				Gain (Tăng cường)	(-/+ , -50~50)	
				Exit (Thoát)		
			Cyan (Xanh ngọc)	Hue (Độ màu)	(-/+ , -50~50)	
				Saturation (Độ bão hòa)	(-/+ , -50~50)	
				Gain (Tăng cường)	(-/+ , -50~50)	
				Exit (Thoát)		
			Magenta (Đỏ thẫm)	Hue (Độ màu)	(-/+ , -50~50)	
				Saturation (Độ bão hòa)	(-/+ , -50~50)	
				Gain (Tăng cường)	(-/+ , -50~50)	
				Exit (Thoát)		
		Yellow (Vàng)	Hue (Độ màu)	(-/+ , -50~50)		
			Saturation (Độ bão hòa)	(-/+ , -50~50)		
			Gain (Tăng cường)	(-/+ , -50~50)		
			Exit (Thoát)			
		White (Trắng)	Red (Đỏ)	(-/+ , -50~50)		
			Green (Lục)	(-/+ , -50~50)		
			Blue (Lam)	(-/+ , -50~50)		
			Exit (Thoát)			
		Reset (Khởi động lại)				
		Exit (Thoát)				
		Color Space (Khoảng màu)	Auto (Tự động)			
			RGB (0~255)			
			RGB (16~235)			
			YUV			
		Exit (Thoát)				

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
Display (Höông)	Format (Định dạng)	4:3		
		16:9		
		LBX		
		Native (Gốc)		
		Auto (Tự động)		
	Edge Mask	(-/+ , 0~10)		
	Zoom	(-/+ , -5~25)		
	Image Shift (Dịch hình ảnh)	H (Horizontal (Phương ngang))	(-/+ , -100~100)	
		V (Vertical (Dọc))	(-/+ , -100~100)	
		Exit (Thoát)		
	V. Keystone (Dọc)	(-/+ , -40~40)		
	Auto Keystone (Tự chỉnh vuông hình)	On (Bật)		
		Off (Tắt)		
	3D	3D Mode (Chế độ 3D)	Off (Tắt)	
			DLP-Link	
		3D - 2D	3D	
			L	
			R	
		3D Format (Định dạng 3D)	Auto (Tự động)	
			Side by Side (Liên kề)	
			Top and Bottom (Đỉnh & Đáy)	
			Frame Sequential (Khung tuần tự)	
		3D Sync Invert (Đảo ngược đồng bộ 3D)	On (Bật)	
Off (Tắt)				
Exit (Thoát)				
3x Fast Input (Nhập liệu nhanh gấp 3 lần)	On (Bật)			
	Off (Tắt)			

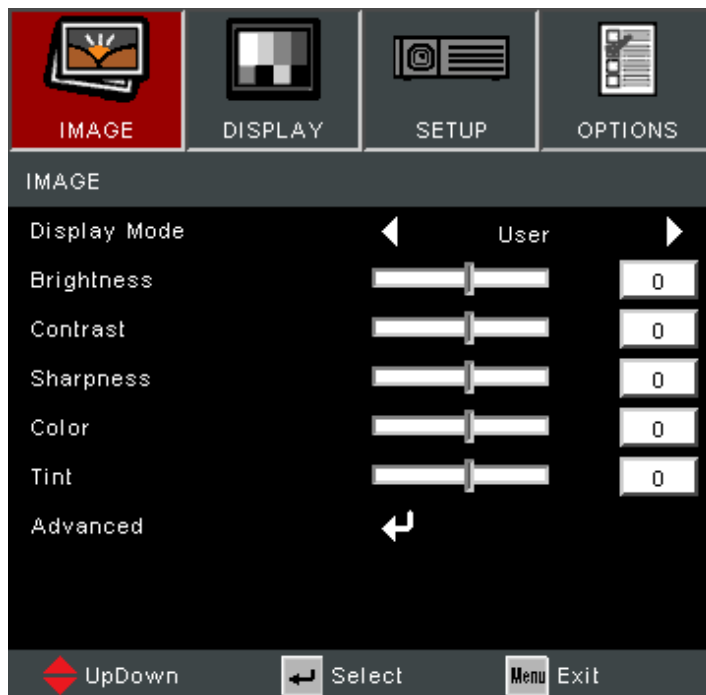
Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu	
<b>Setup (Cài đặt)</b>	Language (Ngôn ngữ)	English	
		Deutsch	
		Français	
		Italiano	
		Español	
		Português	
		Polski	
		Nederlands	
		Svenska	
		Suomi	
		ελληνικά	
		繁體中文	
		簡體中文	
		한국어	
		Русский	
		Magyar	
		Čeština	
		عربي	
		ไทย	
		Türkçe	
	Tiếng Việt		
	Indonesia		
	日本語		
	Projection (Trình chiếu)	Front Table (Bàn phía trước)	
		Front Ceiling (Trần phía trước)	
		Rear Table (Bàn phía sau)	
		Rear Ceiling (Trần phía sau)	
	Menu Location (Vị trí menu)	Top-Left (Trái trên)	
Top-Right (Phải trên)			
Center (Giữa)			
Bottom-Left (Trái Dưới)			
Bottom-Right (Phải Dưới)			

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu	
<b>Setup (Cài đặt)</b>	Security (Bảo mật)	Security (Bảo mật)	On (Bật)
			Off (Tắt)
		Security Timer (Hẹn giờ bảo mật)	Month (Tháng)
			Day (Ngày)
			Hour (Giờ)
			Exit (Thoát)
		Change Password (Đổi mật khẩu)	
	Exit (Thoát)		
	Audio settings (Cài đặt âm thanh)	Mute (Tắt âm)	On (Bật)
			Off (Tắt)
		Volume (Âm lượng)	(-/+ , 0~10)
		Audio Input (Đầu vào âm thanh)	Default (Mặc định)
			AUDIO1
	Exit (Thoát)		
	Advanced (Nâng cao)	Logo	Default (Mặc định)
			Neutral (Trung tính)
Exit (Thoát)			
HDMI CEC	On (Bật)		
		Off (Tắt)	
<b>Options (Tùy chọn)</b>	Input Source (Nguồn đầu vào)	HDMI 1	
		HDMI 2	
		Exit (Thoát)	
	Source Lock (Khóa nguồn)	On (Bật)	
			Off (Tắt)
	High Altitude (Cao trình)	On (Bật)	
			Off (Tắt)
	Information Hide (Ẩn thông tin)	On (Bật)	
			Off (Tắt)
	Keypad Lock (Khóa bàn phím)	On (Bật)	
			Off (Tắt)
	Test Pattern (Hình Thức Kiểm Tra)	Grid (Lưới)	
			White (Trắng)
	IR Function (Chức năng hồng ngoại)	On (Bật)	
			Off (Tắt)

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
<b>Options (Tùy chọn)</b>	Background Color (Màu nền)	Black (Đen)		
		Red (Đỏ)		
		Blue (Lam)		
		Green (Lục)		
		White (Trắng)		
	Advanced (Nâng cao)	Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp)	On (Bật)	
			Off (Tắt)	
		Auto Power Off (Tắt nguồn tự động) (phút)	(-/+, 0~180) minutes (phút)	
		Signal Power On (Bật nguồn bằng tín hiệu)	On (Bật)	
			Off (Tắt)	
	Exit (Thoát)			
	Lamp Settings (Cài đặt đèn)	Lamp Hour (Bộ đếm giờ đèn)		
		Lamp Reminder (Đèn nhắc nhở)	On (Bật)	
			Off (Tắt)	
		Brightness Mode (Chế độ sáng)	Bright (Sáng)	
			Eco (T.kiệm)	
			Dynamic (Linh hoạt)	
		Lamp Reset (Đèn reset)	Yes (Có)	
	No (Không)			
	Exit (Thoát)			
	Optional Filter Settings (Cài đặt bộ lọc tùy chọn)	Optional Filter Installed (Bộ lọc tùy chọn đã cài đặt)	Yes (Có)	
			No (Không)	
		Filter Usage Hours (Số giờ sử dụng bộ lọc)	0~99999	
		Filter Reminder (Nhắc nhở bộ lọc)	Off (Tắt)	
			300 hr (300 giờ)	
			500 hr (500 giờ)	
			800 hr (800 giờ)	
			1000 hr (1000 giờ)	
		Filter Reset (Thiết lập lại bộ lọc)	Yes (Có)	
			No (Không)	
	Exit (Thoát)			
	Reset (Khởi động lại)	Yes (Có)		
		No (Không)		

# Thao tác menu

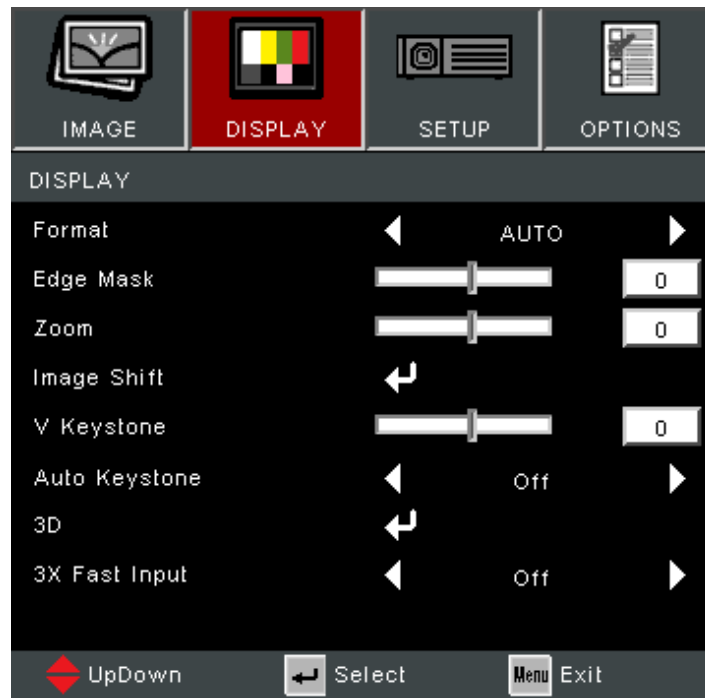
## Image Menu (Menu hình ảnh)



Menu	Mô tả																
<b>Display Mode (Chế độ hiển thị)</b>	<p>Có một số chế độ hiển thị được thiết lập trước mà bạn có thể chọn để phù hợp với sở thích xem của mình.</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #ff0000; color: white;">Chế độ</th> <th style="background-color: #ff0000; color: white;">Mô tả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Standard (Chuẩn)</b></td> <td>Phù hợp cho các trường hợp bình thường trong môi trường ánh sáng ban ngày.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Bright (Sáng)</b></td> <td>Thích hợp cho môi trường tươi sáng, nhiều ánh sáng.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Movie (Phim)</b></td> <td>Cung cấp sự cân bằng tốt nhất về chi tiết và màu sắc để xem phim.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Gaming (Chơi game)</b></td> <td>Phù hợp cho các cài đặt chơi game</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Blackboard (Bảng đen)</b></td> <td>Đạt được cài đặt màu tối ưu khi chiếu lên bảng đen.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>User (Người dùng)</b></td> <td>Cài đặt tùy chỉnh của người dùng.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>3D</b></td> <td>Tối ưu hóa cho nội dung 3D. <b>LƯU Ý:</b> Cần có kính 3D</td> </tr> </tbody> </table>	Chế độ	Mô tả	<b>Standard (Chuẩn)</b>	Phù hợp cho các trường hợp bình thường trong môi trường ánh sáng ban ngày.	<b>Bright (Sáng)</b>	Thích hợp cho môi trường tươi sáng, nhiều ánh sáng.	<b>Movie (Phim)</b>	Cung cấp sự cân bằng tốt nhất về chi tiết và màu sắc để xem phim.	<b>Gaming (Chơi game)</b>	Phù hợp cho các cài đặt chơi game	<b>Blackboard (Bảng đen)</b>	Đạt được cài đặt màu tối ưu khi chiếu lên bảng đen.	<b>User (Người dùng)</b>	Cài đặt tùy chỉnh của người dùng.	<b>3D</b>	Tối ưu hóa cho nội dung 3D. <b>LƯU Ý:</b> Cần có kính 3D
Chế độ	Mô tả																
<b>Standard (Chuẩn)</b>	Phù hợp cho các trường hợp bình thường trong môi trường ánh sáng ban ngày.																
<b>Bright (Sáng)</b>	Thích hợp cho môi trường tươi sáng, nhiều ánh sáng.																
<b>Movie (Phim)</b>	Cung cấp sự cân bằng tốt nhất về chi tiết và màu sắc để xem phim.																
<b>Gaming (Chơi game)</b>	Phù hợp cho các cài đặt chơi game																
<b>Blackboard (Bảng đen)</b>	Đạt được cài đặt màu tối ưu khi chiếu lên bảng đen.																
<b>User (Người dùng)</b>	Cài đặt tùy chỉnh của người dùng.																
<b>3D</b>	Tối ưu hóa cho nội dung 3D. <b>LƯU Ý:</b> Cần có kính 3D																
<b>Brightness (Độ sáng)</b>	<p>Giá trị càng cao, hình ảnh càng sáng. Giá trị càng thấp thì hình ảnh càng tối.</p>																

Menu	Mô tả
<b>Contrast</b> (Độ tương phản)	Sử dụng tính năng này để cài mức trắng tối đa sau khi bạn đã điều chỉnh cài đặt <b>Brightness (Độ sáng)</b> cho phù hợp với đầu vào và môi trường xem đã chọn.
<b>Sharpness</b> (Độ sắc nét)	Giá trị cao sẽ tạo ra hình ảnh sắc nét hơn và giá trị thấp sẽ làm dịu hình ảnh.
<b>Color (Màu sắc)</b>	Điều chỉnh hình ảnh từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.
<b>Tint (Sắc độ)</b>	Giá trị càng cao thì hình ảnh càng xanh. Giá trị càng thấp thì hình ảnh càng đỏ.
<b>Advanced</b> (Nâng cao)	<p><u>Gamma</u> Phản ánh sự liên hệ giữa nguồn tín hiệu vào và độ sáng hình ảnh.</p> <p><u>BrilliantColor™</u> Một thuật toán xử lý màu và các cải tiến để cho phép độ sáng cao hơn đồng thời mang lại màu sắc trung thực, rực rỡ hơn trong trình chiếu.</p> <p><u>Color Temperature (Nhiệt độ màu)</u> Chọn Ấm, Tiêu chuẩn hoặc Lạnh.</p> <p><u>Color Setting (Cài đặt màu)</u> Chỉ trong những cơ sở lắp đặt cố định có mức độ chiếu sáng được kiểm soát như phòng họp, giảng đường hoặc rạp hát tại nhà mới nên xem xét việc quản lý màu sắc. Quản lý màu sắc cung cấp khả năng điều chỉnh kiểm soát màu sắc tốt để cho phép tái tạo màu sắc chính xác hơn. Trước tiên hãy chọn Màu chính và điều chỉnh phạm vi/giá trị của nó ở chế độ Hue, Saturation và Gain.</p> <p><u>Color Space (Khoảng màu)</u> Chọn không gian màu Tự động, RGB (0~255), RGB (16~235) và YUV.</p> <p><u>Exit (Thoát)</u> Thoát khỏi menu Nâng cao.</p>

## Display Menu (Menu hiển thị)





Menu	Mô tả												
<b>Format (Định dạng)</b>	<p>Chọn tỷ lệ khung hình của hình ảnh chiếu.</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #d62728; color: white;">Tỷ lệ khung hình</th> <th style="background-color: #d62728; color: white;">Mô tả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;"><b>4:3</b></td> <td>Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 4:3. Điều này phù hợp nhất đối với hình ảnh 4:3 như màn hình máy tính, tivi độ nét chuẩn và phim DVD tỷ lệ khung hình 4:3 vì chúng hiển thị mà không cần thay đổi tỷ lệ khung hình.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>16:9</b></td> <td>Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 16:9. Điều này phù hợp nhất cho các hình ảnh đã ở tỷ lệ 16:9, như TV độ nét cao.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>LBX</b></td> <td>Đối với nguồn video letterbox không phải 16:9 và nếu muốn hiển thị tỷ lệ khung hình 2,35:1 ở độ phân giải đầy đủ.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Native (Gốc)</b></td> <td>Chiếu hình ảnh như độ phân giải gốc và chỉnh lại kích thước để khớp vào vùng màn hình. Đối với các tín hiệu đầu vào có độ phân giải thấp hơn, hình chiếu sẽ hiển thị theo kích thước gốc.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Auto (Tự động)</b></td> <td>Chỉnh tỷ lệ hình ảnh cân xứng để khớp với độ phân giải gốc của máy chiếu theo chiều rộng ngang. Điều này phù hợp với hình ảnh gửi vào không thuộc tỷ lệ khung hình 4:3 hoặc 16:9 và bạn muốn tận dụng tối đa màn hình mà không cần thay đổi tỷ lệ khung hình chiếu.</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ khung hình	Mô tả	<b>4:3</b>	Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 4:3. Điều này phù hợp nhất đối với hình ảnh 4:3 như màn hình máy tính, tivi độ nét chuẩn và phim DVD tỷ lệ khung hình 4:3 vì chúng hiển thị mà không cần thay đổi tỷ lệ khung hình.	<b>16:9</b>	Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 16:9. Điều này phù hợp nhất cho các hình ảnh đã ở tỷ lệ 16:9, như TV độ nét cao.	<b>LBX</b>	Đối với nguồn video letterbox không phải 16:9 và nếu muốn hiển thị tỷ lệ khung hình 2,35:1 ở độ phân giải đầy đủ.	<b>Native (Gốc)</b>	Chiếu hình ảnh như độ phân giải gốc và chỉnh lại kích thước để khớp vào vùng màn hình. Đối với các tín hiệu đầu vào có độ phân giải thấp hơn, hình chiếu sẽ hiển thị theo kích thước gốc.	<b>Auto (Tự động)</b>	Chỉnh tỷ lệ hình ảnh cân xứng để khớp với độ phân giải gốc của máy chiếu theo chiều rộng ngang. Điều này phù hợp với hình ảnh gửi vào không thuộc tỷ lệ khung hình 4:3 hoặc 16:9 và bạn muốn tận dụng tối đa màn hình mà không cần thay đổi tỷ lệ khung hình chiếu.
	Tỷ lệ khung hình	Mô tả											
	<b>4:3</b>	Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 4:3. Điều này phù hợp nhất đối với hình ảnh 4:3 như màn hình máy tính, tivi độ nét chuẩn và phim DVD tỷ lệ khung hình 4:3 vì chúng hiển thị mà không cần thay đổi tỷ lệ khung hình.											
	<b>16:9</b>	Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 16:9. Điều này phù hợp nhất cho các hình ảnh đã ở tỷ lệ 16:9, như TV độ nét cao.											
	<b>LBX</b>	Đối với nguồn video letterbox không phải 16:9 và nếu muốn hiển thị tỷ lệ khung hình 2,35:1 ở độ phân giải đầy đủ.											
	<b>Native (Gốc)</b>	Chiếu hình ảnh như độ phân giải gốc và chỉnh lại kích thước để khớp vào vùng màn hình. Đối với các tín hiệu đầu vào có độ phân giải thấp hơn, hình chiếu sẽ hiển thị theo kích thước gốc.											
<b>Auto (Tự động)</b>	Chỉnh tỷ lệ hình ảnh cân xứng để khớp với độ phân giải gốc của máy chiếu theo chiều rộng ngang. Điều này phù hợp với hình ảnh gửi vào không thuộc tỷ lệ khung hình 4:3 hoặc 16:9 và bạn muốn tận dụng tối đa màn hình mà không cần thay đổi tỷ lệ khung hình chiếu.												
<b>Edge Mask</b>	Loại bỏ nhiễu mã hóa video ở rìa video nguồn												
<b>Zoom</b>	Thu nhỏ hoặc phóng to hình ảnh chiếu.												
<b>Image Shift (Dịch hình ảnh)</b>	Điều chỉnh hình ảnh chiếu theo chiều ngang hoặc chiều dọc.												
<b>V. Keystone (Dọc)</b>	Điều chỉnh biến dạng hình ảnh theo chiều dọc.												
<b>Auto Keystone (Tự chỉnh vuông hình)</b>	Tự động sửa keystone.												

Menu	Mô tả																		
<b>3D</b>	<p><u>3D Mode (Chế độ 3D)</u> Bật hoặc tắt chức năng 3D.</p> <p><u>3D-2D</u> Chọn cách nội dung 3D sẽ xuất hiện trên màn hình.</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #ff0000; color: white;">Tùy chọn</th> <th style="background-color: #ff0000; color: white;">Mô tả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;"><b>3D</b></td> <td>Hiển thị tín hiệu 3D.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>L (Left (Trái))</b></td> <td>Hiển thị khung bên trái của nội dung 3D.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>R (Right (Phải))</b></td> <td>Hiển thị khung bên phải của nội dung 3D.</td> </tr> </tbody> </table> <p><u>3D Format (Định dạng 3D)</u> Chọn định dạng nội dung 3D. <b>LƯU Ý:</b> Nguồn 3D Blu-ray sẽ được phát hiện tự động và các tùy chọn sẽ không thể chọn được.</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #ff0000; color: white;">Tùy chọn</th> <th style="background-color: #ff0000; color: white;">Mô tả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Auto (Tự động)</b></td> <td>Khi tín hiệu nhận dạng 3D được phát hiện, định dạng 3D sẽ được chọn tự động.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Side by Side (Liền kề)</b></td> <td>Hiển thị ở dạng Side-by-Side (Kề bên)</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Top and Bottom (Đỉnh &amp; Đáy)</b></td> <td>Hiển thị ở dạng Trên và Dưới</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Frame Sequential (Khung tuần tự)</b></td> <td>Hiển thị ở dạng Khung tuần tự</td> </tr> </tbody> </table> <p><u>3D Sync Invert (Đảo ngược đồng bộ 3D)</u> Bật hoặc tắt chức năng Đảo ngược Đồng bộ hóa 3D.</p>	Tùy chọn	Mô tả	<b>3D</b>	Hiển thị tín hiệu 3D.	<b>L (Left (Trái))</b>	Hiển thị khung bên trái của nội dung 3D.	<b>R (Right (Phải))</b>	Hiển thị khung bên phải của nội dung 3D.	Tùy chọn	Mô tả	<b>Auto (Tự động)</b>	Khi tín hiệu nhận dạng 3D được phát hiện, định dạng 3D sẽ được chọn tự động.	<b>Side by Side (Liền kề)</b>	Hiển thị ở dạng Side-by-Side (Kề bên)	<b>Top and Bottom (Đỉnh &amp; Đáy)</b>	Hiển thị ở dạng Trên và Dưới	<b>Frame Sequential (Khung tuần tự)</b>	Hiển thị ở dạng Khung tuần tự
Tùy chọn	Mô tả																		
<b>3D</b>	Hiển thị tín hiệu 3D.																		
<b>L (Left (Trái))</b>	Hiển thị khung bên trái của nội dung 3D.																		
<b>R (Right (Phải))</b>	Hiển thị khung bên phải của nội dung 3D.																		
Tùy chọn	Mô tả																		
<b>Auto (Tự động)</b>	Khi tín hiệu nhận dạng 3D được phát hiện, định dạng 3D sẽ được chọn tự động.																		
<b>Side by Side (Liền kề)</b>	Hiển thị ở dạng Side-by-Side (Kề bên)																		
<b>Top and Bottom (Đỉnh &amp; Đáy)</b>	Hiển thị ở dạng Trên và Dưới																		
<b>Frame Sequential (Khung tuần tự)</b>	Hiển thị ở dạng Khung tuần tự																		
<b>3x Fast Input (Nhập liệu nhanh gấp 3 lần)</b>	<p>Khi được bật, bạn có thể đạt được thời gian phản hồi nhanh theo thời gian gốc. Các cài đặt sau đây cũng sẽ trở về giá trị thiết lập trước của nhà sản xuất: Định dạng, Mặt nạ biên, Thu phóng, Image Shift, Chỉnh hình dọc, Chỉnh hình tự động và chức năng 3D.</p> <p><b>LƯU Ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chức năng này chỉ khả dụng khi tín hiệu đầu vào theo giờ gốc được chọn.</li> <li>• Nếu bạn muốn điều chỉnh các tính năng Định dạng, Mặt nạ biên, Thu phóng, Dịch chuyển hình ảnh, V Keystone, Auto Keystone hoặc chức năng 3D, vui lòng tắt 3x Fast Input.</li> </ul>																		

**LƯU Ý:** Máy chiếu này đã hỗ trợ 3D với giải pháp DLP-Link 3D. Vui lòng đảm bảo rằng kính 3D của bạn dành cho DLP-Link 3D. Máy chiếu này hỗ trợ khung hình 3D tuần tự (lật trang) qua các cổng **HDMI 1/HDMI 2**. Để có hiệu năng tốt nhất, nên sử dụng độ phân giải 1920 x 1080. Xin lưu ý rằng độ phân giải 4K (3840 x 2160) không được hỗ trợ ở chế độ 3D.

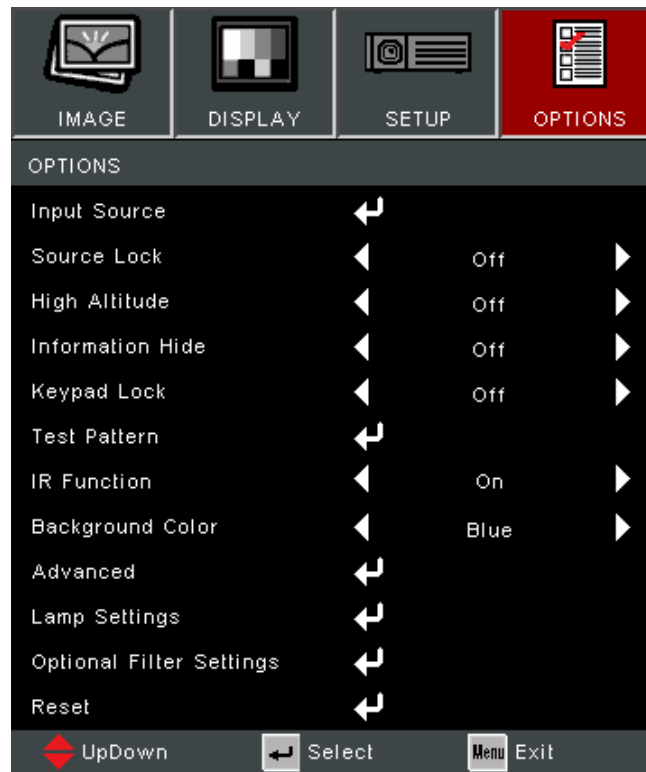
## Setup Menu (Menu cài đặt)



Menu	Mô tả
<b>Language (Ngôn ngữ)</b>	Chọn ngôn ngữ cho Menu màn hình (OSD).
<b>Projection (Trình chiếu)</b>	Chọn vị trí chiếu ưa thích.
<b>Menu Location (Vị trí menu)</b>	Chọn vị trí cho Menu màn hình (OSD).
<b>Security (Bảo mật)</b>	<p><u>Security (Bảo mật)</u>                      Bật hoặc tắt lời nhắc mật khẩu trước khi sử dụng máy chiếu.  <b>LƯU Ý:</b> Mật khẩu mặc định là : 1234</p> <p><u>Security Timer (Hen giờ bảo mật)</u>                      Đặt thời lượng mà máy chiếu có thể được sử dụng. Khi thời gian này trôi qua, bạn sẽ được yêu cầu nhập lại mật khẩu của mình.</p> <p><u>Change Password (Đổi mật khẩu)</u>                      Đặt hoặc sửa đổi mật khẩu.</p>

Menu	Mô tả						
<b>Audio settings (Cài đặt âm thanh)</b>	<p><u>Mute (Tắt âm)</u> Tạm thời tắt âm thanh.</p> <p><u>Volume (Âm lượng)</u> Điều chỉnh mức âm lượng.</p> <p><u>Audio Input (Đầu vào âm thanh)</u> Chọn nguồn đầu vào âm thanh.</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #c00000; color: white;">Tùy chọn</th> <th style="background-color: #c00000; color: white;">Mô tả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Default (Mặc định)</b></td> <td>Âm thanh từ tín hiệu HDMI.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>AUDIO1</b></td> <td>Âm thanh từ cổng AUDIO IN 3,5mm.</td> </tr> </tbody> </table>	Tùy chọn	Mô tả	<b>Default (Mặc định)</b>	Âm thanh từ tín hiệu HDMI.	<b>AUDIO1</b>	Âm thanh từ cổng AUDIO IN 3,5mm.
Tùy chọn	Mô tả						
<b>Default (Mặc định)</b>	Âm thanh từ tín hiệu HDMI.						
<b>AUDIO1</b>	Âm thanh từ cổng AUDIO IN 3,5mm.						
<b>Advanced (Nâng cao)</b>	<p><u>Logo</u> Thiết lập "màn hình khởi động". Nếu các thay đổi được thực hiện, chúng sẽ có hiệu lực vào lần bật máy chiếu tiếp theo.</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #c00000; color: white;">Tùy chọn</th> <th style="background-color: #c00000; color: white;">Mô tả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Default (Mặc định)</b></td> <td>Màn hình khởi động ViewSonic.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>Neutral (Trung tính)</b></td> <td>Cùng màu với cài đặt Màu nền.</td> </tr> </tbody> </table>	Tùy chọn	Mô tả	<b>Default (Mặc định)</b>	Màn hình khởi động ViewSonic.	<b>Neutral (Trung tính)</b>	Cùng màu với cài đặt Màu nền.
Tùy chọn	Mô tả						
<b>Default (Mặc định)</b>	Màn hình khởi động ViewSonic.						
<b>Neutral (Trung tính)</b>	Cùng màu với cài đặt Màu nền.						
<b>HDMI CEC</b>	<p>Khi bạn kết nối các thiết bị tương thích HDMI CEC với máy chiếu bằng cáp HDMI, bạn có thể điều khiển chúng ở cùng trạng thái bật hoặc tắt nguồn bằng cách sử dụng tính năng điều khiển HDMI CEC trong menu OSD của máy chiếu. Điều này cho phép bật hoặc tắt nguồn một hoặc nhiều thiết bị trong một nhóm qua HDMI CEC trong một cấu hình thông thường.</p> <p><b>LƯU Ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để chức năng CEC hoạt động bình thường, hãy đảm bảo rằng thiết bị được kết nối đúng cách với đầu vào <b>HDMI</b> của máy chiếu qua cáp HDMI và chức năng CEC của thiết bị đã được bật.</li> <li>• Tùy thuộc vào thiết bị được kết nối, chức năng CEC có thể không hoạt động.</li> <li>• Chức năng CEC hỗ trợ máy chiếu tắt nguồn thiết bị và thiết bị bật nguồn máy chiếu.</li> </ul>						

## Options Menu (Menu tùy chọn)



Menu	Mô tả
<b>Input Source</b> (Nguồn đầu vào)	Sử dụng tùy chọn này để bật/tắt các nguồn đầu vào.
<b>Source Lock</b> (Khóa nguồn)	<u>On (Bật)</u> Máy chiếu sẽ chỉ tìm kiếm lựa chọn đầu vào hiện tại. <u>Off (Tắt)</u> Máy chiếu sẽ tìm kiếm các tín hiệu khác nếu tín hiệu đầu vào hiện tại bị mất.
<b>High Altitude</b> (Cao trình)	Khi chọn “Bật”, quạt sẽ quay nhanh hơn. Tính năng này rất hữu ích ở những khu vực có độ cao lớn, nơi không khí loãng.
<b>Information Hide</b> (Ẩn thông tin)	Chọn “Bật” để ẩn thông báo thông tin. Chọn “Tắt” để hiển thị thông báo nguồn.
<b>Keypad Lock</b> (Khóa bàn phím)	Tuy nhiên, khi chức năng khóa bàn phím được “Bật”, bảng điều khiển sẽ bị khóa, máy chiếu có thể được vận hành bằng điều khiển từ xa. Khi chọn “Tắt”, bạn sẽ có thể sử dụng lại bảng điều khiển. <b>LƯU Ý:</b> Để tắt khóa bàn phím, nhấn và giữ phím “Enter” trên đỉnh máy chiếu trong 5 giây.
<b>Test Pattern</b> (Hình Thức Kiểm Tra)	Chọn mẫu thử từ lưới và màu trắng.

Menu	Mô tả								
<b>IR Function</b> <b>(Chức năng hồng ngoại)</b>	Bật/tắt hoạt động điều khiển từ xa.								
<b>Background Color</b> <b>(Màu nền)</b>	Hiển thị màn hình đen, đỏ, xanh dương, xanh lục hoặc trắng khi không có nguồn đầu vào.								
<b>Advanced</b> <b>(Nâng cao)</b>	<p><u>Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp)</u>            Tự động bật nguồn máy chiếu khi được cấp nguồn AC mà không cần nhấn nút <b>Power (Nguồn)</b> trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.</p> <p><u>Auto Power Off (Tắt nguồn tự động)</u>            Đồng hồ đếm ngược sẽ bắt đầu khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi quá trình đếm ngược kết thúc (tính bằng phút).</p> <p><u>Signal Power On (Bật nguồn bằng tín hiệu)</u>            Tự động bật nguồn máy chiếu khi phát hiện thấy tín hiệu từ nguồn đầu vào mà không cần nhấn nút <b>Power (Nguồn)</b> trên máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.</p> <p style="text-align: center;"><b>LƯU Ý:</b> Máy chiếu sẽ không tự động bật nguồn bằng HDMI nếu đã kết nối một cáp HDMI.</p> <p><u>Exit (Thoát)</u>            Thoát khỏi menu Nâng cao.</p>								
<b>Lamp Settings</b> <b>(Cài đặt đèn)</b>	<p><u>Lamp Hour (Bộ đếm giờ đèn)</u>            Hiển thị số giờ sáng của đèn hiện tại.</p> <p><u>Lamp Reminder (Đèn nhắc nhở)</u>            Hiển thị hoặc ẩn thông báo cảnh báo khi “thông báo thay đèn” được hiển thị.</p> <p><u>Brightness Mode (Chế độ sáng)</u></p> <table border="1" data-bbox="539 1444 1337 1794"> <thead> <tr> <th data-bbox="539 1444 821 1496">Tùy chọn</th> <th data-bbox="821 1444 1337 1496">Mô tả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="539 1496 821 1581"><b>Bright (Sáng)</b></td> <td data-bbox="821 1496 1337 1581">Độ sáng và mức tiêu thụ điện năng cao nhất.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="539 1581 821 1666"><b>Eco (T.kiệm)</b></td> <td data-bbox="821 1581 1337 1666">Giảm cường độ ánh sáng phát ra để giảm mức tiêu thụ điện năng.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="539 1666 821 1794"><b>Dynamic (Linh hoạt)</b></td> <td data-bbox="821 1666 1337 1794">Tự động điều chỉnh độ sáng của hình ảnh để mang lại hiệu suất tương phản tối ưu.</td> </tr> </tbody> </table> <p><u>Lamp Reset (Đèn reset)</u>            Reset bộ đếm Giờ đèn. Nên sử dụng sau khi thay đèn.</p> <p><u>Exit (Thoát)</u>            Thoát cài đặt đèn.</p>	Tùy chọn	Mô tả	<b>Bright (Sáng)</b>	Độ sáng và mức tiêu thụ điện năng cao nhất.	<b>Eco (T.kiệm)</b>	Giảm cường độ ánh sáng phát ra để giảm mức tiêu thụ điện năng.	<b>Dynamic (Linh hoạt)</b>	Tự động điều chỉnh độ sáng của hình ảnh để mang lại hiệu suất tương phản tối ưu.
Tùy chọn	Mô tả								
<b>Bright (Sáng)</b>	Độ sáng và mức tiêu thụ điện năng cao nhất.								
<b>Eco (T.kiệm)</b>	Giảm cường độ ánh sáng phát ra để giảm mức tiêu thụ điện năng.								
<b>Dynamic (Linh hoạt)</b>	Tự động điều chỉnh độ sáng của hình ảnh để mang lại hiệu suất tương phản tối ưu.								

Menu	Mô tả
<p><b>Optional Filter Settings</b> (Cài đặt bộ lọc tùy chọn)</p>	<p><u>Optional Filter Installed (Bộ lọc tùy chọn đã cài đặt)</u> Chọn “Yes” (Có) để hiển thị thông báo cảnh báo sau một số giờ được chỉ định. Chọn “No” (Không) để tắt thông báo cảnh báo. <b>LƯU Ý:</b> Cài đặt mặc định là “No” (Không). Sau khi cài đặt bộ lọc, vui lòng bật máy tham khảo rồi nhấn <b>Menu</b>, vào <b>Options (Tùy chọn) &gt; Optional Filter Settings (Cài đặt bộ lọc tùy chọn) &gt; Optional Filter Installed (Bộ lọc tùy chọn đã cài đặt)</b> và chọn <b>Yes (Có)</b>.</p> <p><u>Filter Usage Hours (Số giờ sử dụng bộ lọc)</u> Hiển thị giờ lọc.</p> <p><u>Filter Reminder (Nhắc nhở bộ lọc)</u> Chọn số giờ cho đến khi thông báo bộ lọc được hiển thị. <b>LƯU Ý:</b> Mặc định của nhà máy là 500 giờ.</p> <p><u>Filter Reset (Thiết lập lại bộ lọc)</u> Reset bộ đếm bộ lọc bụi sau khi thay thế hoặc vệ sinh bộ lọc bụi.</p> <p><u>Exit (Thoát)</u> Thoát khỏi menu Cài đặt bộ lọc tùy chọn.</p>
<p><b>Reset</b> (Khởi động lại)</p>	<p>Chuyển các cài đặt về giá trị mặc định. <b>LƯU Ý:</b> Khi reset, các cài đặt sau sẽ vẫn còn duy trì: Chỉnh hình tự động, Giờ sử dụng bộ lọc, Độ cao, Bộ đếm Giờ đèn, Ngôn ngữ, Bộ lọc tùy chọn được cài đặt, Mật khẩu, Trình chiếu, Bảo mật, Hẹn giờ bảo mật, Chỉnh hình chiều dọc.</p>

### LƯU Ý:

- Độ ồn âm thanh của máy chiếu có thể tăng sau khi lắp đặt bộ lọc bụi.
- Đối với điều kiện hoạt động ở nhiệt độ cao (> 35°C) hoặc độ cao (> 1524 m), nên chuyển sang chế độ làm mát “High Altitude” khi lắp đặt bộ lọc bụi.
- Nên vệ sinh bộ lọc bụi sau mỗi 100 giờ sau khi lắp bộ lọc bụi.
- Tắt máy chiếu và rút phích cắm khỏi nguồn điện trước khi lắp hoặc tháo bộ lọc.

# Phụ lục

## Thông số kỹ thuật

Mục	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
Máy chiếu	Loại	Đèn
	Kích thước màn hình	30"~300"
	Tỷ lệ lệch tâm	1,48~1,62 (100"@3,28m)
	Ống kính	F=2,5~2,67, f=21,8~24,0 mm
	Hệ thống Màn hình	1-CHIP DMD
Độ phân giải	Góc	1920 x 1080
Tín hiệu vào	HDMI	f <sub>h</sub> : 15~102 kHz, f <sub>v</sub> : 23~120 Hz, Tốc độ điểm ảnh: 170MHz
Nguồn điện <sup>1</sup>	Điện áp đầu vào	Điện AC 100-240V, 50/60 Hz (tự chuyển đổi)
Các điều kiện hoạt động	Nhiệt độ	0°C - 40°C (32°F - 104°F)
	Độ ẩm	10% đến 80% (không ngưng tụ)
	Độ cao	0 đến 772 m (0 đến 2.500 ft.) ở 0° đến 40°C 772 m đến 1.524 m (2.500 đến 5.000 ft.) ở 0° đến 35°C 1.524 m đến 3.048 m (5.000 đến 10.000 ft.) ở 0° đến 30°C
Điều kiện bảo quản	Nhiệt độ	-20°C - 60°C (-4°F - 140°F)
	Độ ẩm	10% đến 90% (không ngưng tụ)
	Độ cao	0 đến 12,1 km (0 đến 40.000 ft.)
Kích thước	Thực tế (Rộng x Cao x Dày)	309 x 115 x 234 mm (12,2" x 4,5" x 9,21")
Trọng lượng	Thực tế	2,70 kg (5,95 pound)
Mức tiêu thụ điện	Bật <sup>2</sup>	295W (chuẩn)
	Tắt	< 0,5W (Chế độ chờ)

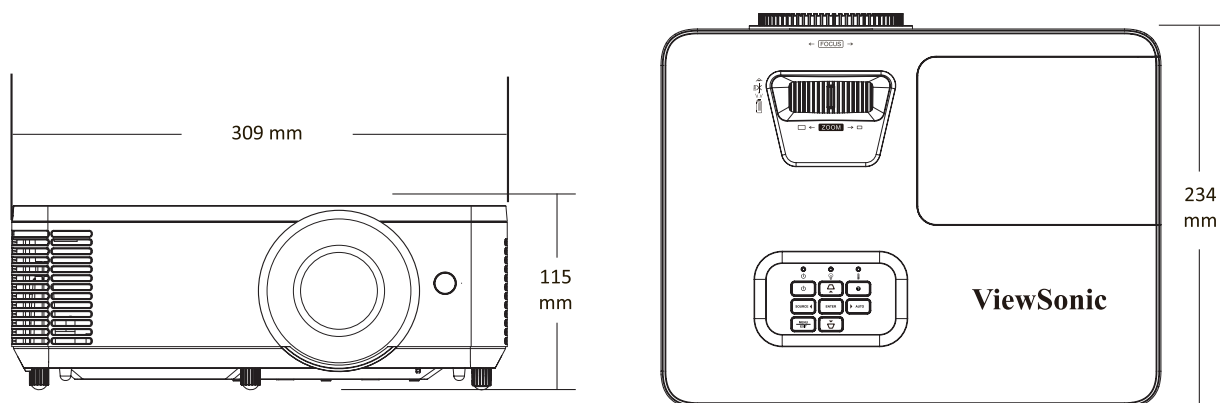
<sup>1</sup> Vui lòng chỉ sử dụng bộ nguồn từ ViewSonic® hoặc một đại lý ủy quyền.

<sup>2</sup> Điều kiện thử nghiệm tuân theo tiêu chuẩn EEL.



# Kích thước máy chiếu

309 mm (Rộng) x 115 mm (Cao) x 234 mm (Dày)



# Biểu đồ định giờ

## HDMI PC

Tín hiệu	Độ phân giải	Tốc độ làm mới (Hz)
VGA	640 x 480	60/67/72/75
SVGA	800 x 600	56/60/72/75
XGA	1024 x 768	60/70/75
	1152 x 864	75
WXGA	1280 x 800	60
Quad-VGA	1280 x 960	60
SXGA	1280 x 1024	60/75
WXGA+	1440 x 900	60
UXGA	1600 x 1200	60
WSXGA+	1680 x 1050	60
MAC 16"	832 x 624	75
MAC 21"	1152 x 870	75
Full HD	1920 x 1080	60
WUXGA	1920 x 1200 <sup>3</sup>	60

## Video HDMI

Tín hiệu	Độ phân giải	Tốc độ làm mới (Hz)
HDTV(1080p)	1920 x 1080	50/60
HDTV(1080i)	1920 x 1080	50/60
HDTV(720p)	1280 x 720	50/60
SDTV(480p)	720 X 480	60
SDTV(576p)	720 x 576	50
SDTV(480i)	720 X 480	60
SDTV(576i)	720 x 576	50

<sup>3</sup> 1920 x 1200 @ 60Hz chỉ hỗ trợ RB (Giảm khoảng trống).

## HDMI 3D

Tín hiệu	Độ phân giải	Tốc độ làm mới (Hz)
<b>Frame Packing (Gói khung)</b>		
<b>1080p</b>	1920 x 1080	24
<b>720p</b>	1280 x 720	50/60
<b>Side by Side (Liên kề)</b>		
<b>1080i</b>	1920 x 1080	50/60
<b>Top and Bottom (Đỉnh &amp; Đáy)</b>		
<b>1080p</b>	1920 x 1080	24
<b>720p</b>	1280 x 720	50/60

### LƯU Ý:

- 1080i@25hz và 720p@50hz sẽ chạy ở 100 Hz; định giờ 3D khác sẽ chạy ở 120 Hz.
- 1080P@24hz sẽ chạy 144Hz (XGA, WXGA, 1080p)/96Hz (WUXGA).
- Nếu tốc độ khung hình đầu vào là 48 Hz trở lên, thì tốc độ khung hình đầu ra được thiết lập bằng hai lần tốc độ khung hình đầu vào (chế độ FRC = 2X).
- Nếu tốc độ khung hình đầu vào 3D là 25Hz trở lên, thì tốc độ khung hình đầu ra được thiết lập bằng bốn lần tốc độ khung hình đầu vào (chế độ FRC = 4X).
- Nếu tốc độ khung hình đầu vào 3D là 24Hz (bao gồm 23,9Hz), thì tốc độ khung hình đầu ra được thiết lập bằng sáu lần tốc độ khung hình đầu vào (chế độ FRC = 6X).

# Khắc phục sự cố

Phần này mô tả một số vấn đề phổ biến mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy chiếu.

Vấn đề hoặc sự cố	Giải pháp khả thi
Máy chiếu không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo dây nguồn được cắm đúng cách vào máy chiếu và ổ cắm điện.</li><li>• Nếu quá trình khởi động chưa kết thúc, hãy đợi cho đến khi kết thúc rồi thử bật lại máy chiếu.</li><li>• Nếu cách trên không hiệu quả, hãy thử ổ cắm điện hoặc thiết bị điện khác có cùng ổ cắm điện.</li></ul>
Không có hình	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo đã cắm cáp nguồn video đúng cách và đã bật nguồn video.</li><li>• Nếu nguồn đầu vào không được chọn tự động, hãy chọn đúng nguồn bằng “Source Input” trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.</li></ul>
Hình ảnh bị nhòe	<ul style="list-style-type: none"><li>• Điều chỉnh lấy nét bằng Vòng lấy nét sẽ giúp lấy nét chính xác cho ống kính máy chiếu.</li><li>• Đảm bảo máy chiếu và màn hình được căn chỉnh thích hợp. Nếu cần, điều chỉnh chiều cao máy chiếu cũng như góc và hướng chiếu.</li></ul>
Hình ảnh bị đảo ngược	<ul style="list-style-type: none"><li>• Mở Menu OSD và đi tới: <b>Setup (Cài đặt) &gt; Projection (Trình chiếu)</b> và điều chỉnh tùy chọn trình chiếu.</li></ul>
Hình ảnh bị kéo dài khi chiếu DVD 16:9	<ul style="list-style-type: none"><li>• Khi bạn phát đĩa DVD anamorphic hoặc DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh đẹp nhất ở 16:9.</li><li>• Nếu bạn phát nội dung DVD định dạng 4:3, vui lòng thay đổi định dạng thành 4:3 trong Menu OSD của máy chiếu.</li><li>• Vui lòng thiết lập định dạng hiển thị theo tỷ lệ khung hình 16:9 (rộng) trên đầu đĩa DVD.</li></ul>

<b>Vấn đề hoặc sự cố</b>	<b>Giải pháp khả thi</b>
Nếu điều khiển từ xa không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và máy chiếu, và chúng phải nằm trong khoảng.</li> <li>• Pin có thể hết thời hạn sử dụng , hãy kiểm tra và thay thế nếu cần thiết.</li> </ul>
Máy chiếu ngừng phản hồi với tất cả các điều khiển	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tắt máy chiếu và rút dây nguồn. Đợi ít nhất 20 giây rồi kết nối lại và thử lại.</li> </ul>

## Đèn báo LED

Khi các đèn cảnh báo (xem bên dưới) sáng lên hoặc nhấp nháy, máy chiếu sẽ tự động tắt. Rút dây nguồn ra khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu các đèn cảnh báo tiếp tục sáng lên hoặc nhấp nháy, vui lòng liên hệ với trung tâm dịch vụ gần nhất để được hỗ trợ.

Trạng thái và mô tả	Đèn báo nguồn điện		Đèn báo nhiệt độ	Đèn báo nguồn sáng
	Đỏ	Lam	Đỏ	Đỏ
<b>Trạng thái chờ</b> (Đầu vào là dây nguồn)	Sáng cố định			
<b>Bật nguồn</b> (Cảnh báo)		Nhấp nháy (Tắt 0,5 giây/ Bật 0,5 giây)		
<b>Bật nguồn và đèn sáng</b>		Sáng cố định		
<b>Tắt nguồn</b> (Nguội)		Nhấp nháy (Tắt 0,5 giây/ Bật 0,5 giây)  Trở lại ánh sáng đỏ ổn định khi quạt làm mát tắt.		
<b>Lỗi</b> (Đèn hồng)	Nhấp nháy			Sáng cố định
<b>Lỗi</b> (Quạt hồng)	Nhấp nháy		Nhấp nháy	
<b>Lỗi</b> (Quá nhiệt)	Nhấp nháy		Sáng cố định	

# Bảo dưỡng

## Biện pháp phòng ngừa chung

- Đảm bảo đã tắt máy chiếu và rút cáp nguồn ra khỏi ổ cắm điện.
- Đừng bao giờ tháo bất kỳ bộ phận nào khỏi máy chiếu. Liên hệ với ViewSonic® hoặc đại lý bán lẻ khi bạn cần thay thế bất kỳ bộ phận nào của máy chiếu.
- Đừng bao giờ xịt hoặc đổ bất kỳ chất lỏng nào trực tiếp lên vỏ máy.
- Hãy cầm nắm máy chiếu cẩn thận vì nó có màu tối hơn; nếu bị trầy xước, máy chiếu có thể hiện các dấu vết rõ hơn so với máy chiếu màu sáng hơn.

## Vệ sinh ống kính

- Dùng bình khí nén thổi sạch bụi.
- Nếu ống kính vẫn chưa sạch, hãy dùng giấy vệ sinh ống kính hoặc thấm ướt khăn mềm bằng dung dịch vệ sinh ống kính và lau nhẹ lên bề mặt.

**THẬN TRỌNG:** Đừng bao giờ chà xát ống kính bằng chất liệu ăn mòn.

## Lau vỏ máy chiếu

- Sử dụng khăn mềm khô không có xơ để loại bỏ bụi bẩn.
- Nếu vỏ máy vẫn chưa sạch, hãy bôi nhẹ một lượng nhỏ chất tẩy rửa không chứa amoniac, cồn và chất ăn mòn lên khăn mềm sạch không có xơ rồi lau sạch bề mặt.

**THẬN TRỌNG:** Đừng bao giờ sử dụng sáp, cồn, benzen, chất pha loăng hoặc chất tẩy rửa hóa học khác.

## Cất giữ máy chiếu

Nếu bạn định cất giữ máy chiếu trong một thời gian dài:

- Đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm tại khu vực cất giữ phải nằm trong phạm vi khuyến nghị.
- Rút gọn hoàn toàn chân điều chỉnh.
- Tháo pin ra khỏi điều khiển từ xa.
- Đóng gói máy chiếu bằng hộp đựng gốc hoặc hộp đựng tương đương.

## Khước từ trách nhiệm

- ViewSonic® không khuyến dùng bất kỳ chất tẩy rửa có chứa amoniac hoặc cồn để lau ống kính hoặc vỏ máy chiếu. Một số chất tẩy rửa hóa học đã được báo cáo làm hỏng ống kính và/hoặc vỏ máy chiếu.
- ViewSonic® sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về thiệt hại do sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa nào có chứa amoniac hoặc cồn.

# Thông Tin Dịch Vụ và Quy Định

## Thông tin tuân thủ

Phần này đề cập đến tất cả các yêu cầu và tuyên bố liên quan đến quy định. Các ứng dụng tương ứng đã được xác nhận sẽ đề cập đến nhãn tên và các dấu hiệu liên quan trên thiết bị.

### Tuyên bố Tuân thủ FCC

Thiết bị này phù hợp với điều 15 của Quy định FCC. Hoạt động tùy thuộc vào hai điều kiện sau đây: (1) thiết bị này không được gây nhiễu có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận bất kỳ nhiễu nào nhận được, bao gồm cả nhiễu có thể gây ra hoạt động không mong muốn. Thiết bị này đã được kiểm tra và tuân thủ các giới hạn cho thiết bị kỹ thuật số Hạng B, theo Phần 15 của quy định FCC.

Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp bảo vệ hợp lý chống lại nhiễu có hại khi lắp đặt trong khu dân cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng, và có thể phát năng lượng tần số vô tuyến, nếu không được cài đặt và sử dụng phù hợp theo hướng dẫn, có thể gây nhiễu có hại cho thông tin vô tuyến. Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng không xảy ra nhiễu ở một cài đặt cụ thể nào đó. Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho việc thu sóng đài phát thanh hoặc truyền hình, có thể được xác định bằng cách bật và tắt thiết bị, khuyến khích người dùng thử sửa chữa nhiễu bằng một hoặc nhiều biện pháp sau đây:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí của ăng-ten thu sóng.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và đầu thu.
- Kết nối thiết bị vào một ổ cắm trên mạch khác với mạch nối với đầu thu.
- Tham khảo ý kiến đại lý hoặc kỹ thuật viên đài phát thanh/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

**CẢNH BÁO:** Bạn được cảnh báo rằng các thay đổi hoặc sửa đổi nào không được chấp thuận rõ ràng bởi các bên chịu trách nhiệm về việc tuân thủ có thể làm mất hiệu lực quyền của người dùng để sử dụng thiết bị.

### Tuyên bố của Bộ Công nghiệp Canada

CAN ICES-003(B) / NMB-003(B)

### Tuân thủ CE đối với các nước châu Âu

**CE** Thiết bị này tuân thủ theo các điều khoản trong Hướng Dẫn EMC 2014/30/EC và Hướng Dẫn Điện Áp Thấp 2014/35/EC. Chỉ thị thiết kế sinh thái 2009/125/EC.



## Thông tin sau chỉ dành cho các quốc gia thành viên EU:

Dấu ở bên phải là thể hiện sự tuân thủ với Chất Thải Điện và Chỉ thị về Thiết bị Điện tử 2012/19/EU (WEEE). Dấu này thể hiện yêu cầu KHÔNG vứt bỏ thiết bị ở dạng rác thải đô thị chưa được phân loại, nhưng phải sử dụng hệ thống thu hồi và thu gom theo luật địa phương.



## Tuyên bố tuân thủ RoHS2

Sản phẩm này đã được thiết kế và sản xuất theo Chỉ thị 2011/65/EU của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng về việc hạn chế sử dụng một số chất độc hại trong thiết bị điện và điện tử (Chỉ thị RoHS2) và được coi là tuân thủ các giá trị nồng độ tối đa do Ủy Ban Thích Ứng Kỹ Thuật châu Âu (TAC) ban hành như dưới đây:

Chất	Nồng độ tối đa được đề xuất	Nồng độ thực tế
Cadmium (Cd)	0,01%	< 0,01%
Chì (Pb)	0,1%	< 0,1%
Thủy ngân (Hg)	0,1%	< 0,1%
Crom hóa trị sáu (Cr6+)	0,1%	< 0,1%
Polybrominated biphenyls (PBB)	0,1%	< 0,1%
Polybrominated diphenyl esthers (PBDE)	0,1%	< 0,1%
Bis(2-Ethylhexyl) phthalate (DEHP)	0,1%	< 0,1%
Benzyl butyl phthalate (BBP)	0,1%	< 0,1%
Dibutyl phthalate (DBP)	0,1%	< 0,1%
Diisobutyl phthalate (DIBP)	0,1%	< 0,1%

## Một số thành phần của các sản phẩm như đã nêu ở trên được miễn theo Phụ lục III của Chỉ thị RoHS2 như ghi chú dưới đây:

- Thủy ngân trong đèn huỳnh quang catốt lạnh và đèn huỳnh quang điện cực bên ngoài (CCFL và EEFL) cho các mục đích đặc biệt không vượt quá (trên mỗi đèn):
  - » Chiều dài ngắn (500 mm): tối đa 3,5 mg mỗi đèn.
  - » Chiều dài trung bình (> 500 mm và 1.500 mm): tối đa 5 mg mỗi đèn.
  - » Chiều dài (> 1.500 mm): tối đa 13 mg mỗi đèn.
- Chì trong thủy tinh của ống tia catốt.
- Chì trong thủy tinh của ống huỳnh quang không vượt quá 0,2% trọng lượng.
- Chì là một nguyên tố hợp kim trong nhôm có chứa tới 0,4% chì theo trọng lượng.
- Hợp kim đồng chứa tới 4% chì tính theo trọng lượng.
- Chì trong các loại chất hàn có nhiệt độ nóng chảy cao (tức là hợp kim có chì chứa 85% trọng lượng hoặc nhiều chì hơn).
- Các thành phần điện và điện tử có chứa chì trong thủy tinh hoặc gốm khác với gốm điện môi trong các tụ điện, ví dụ như các thiết bị áp điện, hoặc trong hợp chất ma trận thủy tinh hoặc gốm.

### **Hạn chế của Ấn Độ về các chất độc hại**

Thông báo về hạn chế các chất nguy hiểm độc hại (Ấn Độ). Sản phẩm này tuân thủ "Quy tắc xử lý chất thải điện tử của Ấn Độ 2011" cấm sử dụng chì, thủy ngân, crom hóa trị sáu, biphenyl đa bội hoặc ete diphenyl polybrominated ở nồng độ vượt quá 0,1% trọng lượng và 0,01% trọng lượng đối với cadmium, ngoại trừ các ngoại lệ trong Mục 2 của Quy tắc.

### **Thải bỏ sản phẩm khi hết tuổi thọ**

ViewSonic® tôn trọng môi trường và cam kết làm việc và sống thân thiện với môi trường. Cảm ơn bạn đã tham gia vào chương trình Smarter, Greener Computing. Hãy truy cập trang web ViewSonic® để tìm hiểu thêm.

### **Mỹ & Canada:**

<https://www.viewsonic.com/us/go-green-with-viewsonic>

### **Châu Âu:**

<https://www.viewsonic.com/eu/go-green-with-viewsonic>

## Thông Tin Bản Quyền

Copyright© ViewSonic® Corporation, 2023. Bảo lưu mọi quyền.

Microsoft, Windows, Windows logo là các thương hiệu đã được đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và các nước khác.

ViewSonic® và logo ba chú chim là thương hiệu đã đăng ký của ViewSonic® Corporation.

VESA là nhãn hiệu đã đăng ký của Video Electronics Standards Association. DPMS và DDC là thương hiệu của VESA.

**Khước từ:** ViewSonic® Corporation sẽ không chịu trách nhiệm đối với các lỗi kỹ thuật hoặc biên tập hoặc thiếu sót trong tài liệu này; cũng như đối với các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả do việc cung cấp vật liệu này, hoặc hiệu suất hoặc việc sử dụng sản phẩm này.

Vì lợi ích của việc tiếp tục cải tiến sản phẩm, ViewSonic® Corporation có quyền thay đổi thông số kỹ thuật của sản phẩm mà không cần thông báo trước. Thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

Không được sao chép, tái tạo hoặc truyền bất kỳ phần nào của tài liệu này vì bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của ViewSonic® Corporation.

## Dịch vụ Khách hàng

Để được hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ sản phẩm, xem bảng bên dưới hoặc liên hệ với đại lý bán lẻ của bạn.

**LƯU Ý:** Bạn sẽ cần số sê-ri của sản phẩm.

Quốc gia/ Khu vực	Trang web	Quốc gia/ Khu vực	Trang web
<b>Châu Á Thái Bình Dương &amp; Châu Phi</b>			
Úc	<a href="http://www.viewsonic.com/au/">www.viewsonic.com/au/</a>	Bangladesh	<a href="http://www.viewsonic.com/bd/">www.viewsonic.com/bd/</a>
中国 (Trung Quốc)	<a href="http://www.viewsonic.com.cn">www.viewsonic.com.cn</a>	香港 (繁體中文)	<a href="http://www.viewsonic.com/hk/">www.viewsonic.com/hk/</a>
Hong Kong (English)	<a href="http://www.viewsonic.com/hk-en/">www.viewsonic.com/hk-en/</a>	Ấn Độ	<a href="http://www.viewsonic.com/in/">www.viewsonic.com/in/</a>
Indonesia	<a href="http://www.viewsonic.com/id/">www.viewsonic.com/id/</a>	Israel	<a href="http://www.viewsonic.com/il/">www.viewsonic.com/il/</a>
日本 (Japan)	<a href="http://www.viewsonic.com/jp/">www.viewsonic.com/jp/</a>	Hàn Quốc	<a href="http://www.viewsonic.com/kr/">www.viewsonic.com/kr/</a>
Malaysia	<a href="http://www.viewsonic.com/my/">www.viewsonic.com/my/</a>	Trung đông	<a href="http://www.viewsonic.com/me/">www.viewsonic.com/me/</a>
My-an-ma	<a href="http://www.viewsonic.com/mm/">www.viewsonic.com/mm/</a>	Nê-pan	<a href="http://www.viewsonic.com/np/">www.viewsonic.com/np/</a>
New Zealand	<a href="http://www.viewsonic.com/nz/">www.viewsonic.com/nz/</a>	Pakistan	<a href="http://www.viewsonic.com/pk/">www.viewsonic.com/pk/</a>
Philippin	<a href="http://www.viewsonic.com/ph/">www.viewsonic.com/ph/</a>	Singapore	<a href="http://www.viewsonic.com/sg/">www.viewsonic.com/sg/</a>
臺灣 (Đài Loan)	<a href="http://www.viewsonic.com/tw/">www.viewsonic.com/tw/</a>	ประเทศไทย	<a href="http://www.viewsonic.com/th/">www.viewsonic.com/th/</a>
Việt Nam	<a href="http://www.viewsonic.com/vn/">www.viewsonic.com/vn/</a>	Nam Phi & Mauritius	<a href="http://www.viewsonic.com/za/">www.viewsonic.com/za/</a>
<b>Châu Mỹ</b>			
Hoa Kỳ	<a href="http://www.viewsonic.com/us">www.viewsonic.com/us</a>	Canada	<a href="http://www.viewsonic.com/us">www.viewsonic.com/us</a>
Mỹ La-tinh	<a href="http://www.viewsonic.com/la">www.viewsonic.com/la</a>		
<b>Châu Âu</b>			
Châu Âu	<a href="http://www.viewsonic.com/eu/">www.viewsonic.com/eu/</a>	Pháp	<a href="http://www.viewsonic.com/fr/">www.viewsonic.com/fr/</a>
Deutschland	<a href="http://www.viewsonic.com/de/">www.viewsonic.com/de/</a>	Қазақстан	<a href="http://www.viewsonic.com/kz/">www.viewsonic.com/kz/</a>
Россия	<a href="http://www.viewsonic.com/ru/">www.viewsonic.com/ru/</a>	España	<a href="http://www.viewsonic.com/es/">www.viewsonic.com/es/</a>
Türkiye	<a href="http://www.viewsonic.com/tr/">www.viewsonic.com/tr/</a>	Україна	<a href="http://www.viewsonic.com/ua/">www.viewsonic.com/ua/</a>
Vương quốc Anh	<a href="http://www.viewsonic.com/uk/">www.viewsonic.com/uk/</a>		

## **Bảo hành hạn chế**

### Máy chiếu ViewSonic®

#### **Những gì được bảo hành:**

ViewSonic đảm bảo các sản phẩm không có khiếm khuyết về vật liệu và kỹ thuật chế tạo trong trường hợp sử dụng bình thường trong thời gian bảo hành. Nếu có sản phẩm được chứng minh bị lỗi về vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo trong thời gian bảo hành, ViewSonic sẽ, tùy chọn duy nhất, sửa chữa hoặc thay thế bằng sản phẩm tương tự. Sản phẩm hoặc bộ phận thay thế có thể bao gồm các bộ phận hoặc linh kiện tái sản xuất hoặc tân trang.

#### **Bảo hành chung trong giới hạn (3) năm**

Theo chế độ bảo hành hạn chế hơn một (1) năm được nêu dưới đây, ở Bắc và Nam Mỹ: Bảo hành ba (3) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, ba (3) năm bảo hành toàn bộ và một (1) năm bảo hành đèn nguyên bản kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng.

Các khu vực hoặc quốc gia khác: Vui lòng kiểm tra với đại lý địa phương hoặc văn phòng ViewSonic địa phương để biết thông tin bảo hành.

#### **Bảo hành sử dụng nặng giới hạn một (1) năm:**

Trong trường hợp sử dụng nhiều, sử dụng máy chiếu hơn mười bốn (14) giờ sử dụng trung bình hàng ngày, Bắc và Nam Mỹ: Bảo hành một (1) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, một (1) năm bảo hành toàn bộ và chín mươi (90) ngày bảo hành đèn nguyên bản kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng; Châu Âu: Bảo hành một (1) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, một (1) năm bảo hành toàn bộ và chín mươi (90) ngày cho đèn nguyên bản kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng.

Các khu vực hoặc quốc gia khác: Vui lòng kiểm tra với đại lý địa phương hoặc văn phòng ViewSonic địa phương để biết thông tin bảo hành.

Bảo hành đèn theo các điều khoản và điều kiện, xác minh và phê duyệt. Chỉ áp dụng cho đèn được lắp đặt của nhà sản xuất. Tất cả các đèn phụ kiện mua riêng được bảo hành trong 90 ngày.

#### **Bảo hành này áp dụng cho ai:**

Bảo hành này chỉ có hiệu lực cho người mua hàng đầu tiên.

## **Những trường hợp không được bảo hành:**

1. Sản phẩm có số sê-ri đã bị xóa, sửa đổi hoặc loại bỏ.
2. Hư hại, hư hỏng, hỏng hóc hoặc trục trặc do:
  - a. Tai nạn, lạm dụng, sử dụng không đúng cách, bỏ bê, hỏa hoạn, nước, sét hoặc các hành vi tự nhiên khác, bảo trì không đúng cách, sửa đổi sản phẩm trái phép hoặc không tuân theo hướng dẫn được cung cấp kèm theo sản phẩm.
  - b. Sử dụng không theo các thông số kỹ thuật sản phẩm.
  - c. Sử dụng sản phẩm không theo mục đích sử dụng thông thường hoặc không theo điều kiện bình thường.
  - d. Sửa chữa hoặc cố gắng sửa chữa bởi người không được ViewSonic ủy quyền.
  - e. Hư hỏng do vận chuyển.
  - f. Việc tháo lắp sản phẩm.
  - g. Nguyên nhân bên ngoài sản phẩm, chẳng hạn như dao động điện áp hoặc mất điện.
  - h. Sử dụng phụ kiện hoặc bộ phận không đáp ứng thông số kỹ thuật của ViewSonic.
  - i. Hao mòn thông thường.
  - j. Bất kỳ nguyên nhân nào khác không liên quan đến lỗi sản phẩm.
3. Áp dụng phí dịch vụ tháo, lắp và cài đặt.

## **Cách nhận được dịch vụ:**

1. Để biết thông tin về việc bảo hành theo chế độ, hãy liên hệ với bộ phận Hỗ trợ khách hàng của ViewSonic (vui lòng tham khảo trang "Hỗ trợ khách hàng"). Bạn cần cung cấp số sê-ri sản phẩm.
2. Để được bảo hành, bạn cần cung cấp (a) phiếu bán hàng ban đầu, (b) tên, (c) địa chỉ của bạn, (d) mô tả sự cố và (e) số sê-ri của sản phẩm.
3. Mang hoặc vận chuyển hàng hóa trả cước trước trong hộp đựng ban đầu đến trung tâm dịch vụ ủy quyền của ViewSonic hoặc ViewSonic.
4. Để biết thêm thông tin hoặc tên của trung tâm dịch vụ ViewSonic gần nhất, liên hệ với ViewSonic.

## **Giới hạn bảo hành ngụ ý:**

Không có bảo hành, rõ ràng hay ngụ ý, vượt ra ngoài mô tả trong tài liệu này bao gồm bảo hành ngụ ý về tính thương mại và sự phù hợp cho một mục đích cụ thể.

**Loại trừ thiệt hại:**

ViewSonic chỉ chịu trách nhiệm về chi phí sửa chữa hoặc thay thế sản phẩm.

ViewSonic sẽ không chịu trách nhiệm về:

1. Thiệt hại đối với tài sản khác do bất kỳ lỗi nào của sản phẩm, thiệt hại do sự bất tiện, mất khả năng sử dụng sản phẩm, mất thời gian, mất lợi nhuận, mất cơ hội kinh doanh, mất thiện chí, can thiệp vào các mối quan hệ kinh doanh hoặc tổn thất thương mại khác, ngay cả khi được thông báo về khả năng thiệt hại như vậy.
2. Bất kỳ thiệt hại nào khác, cho dù là ngẫu nhiên, hậu quả hoặc cách khác.
3. Khiếu nại chống lại khách hàng của bất kỳ bên nào khác.

**Hiệu lực của luật địa phương:**

Bảo hành này cho phép bạn có các quyền pháp lý cụ thể và bạn cũng có thể có các quyền khác tùy theo tiểu bang hoặc quốc gia. Một số chính quyền địa phương không cho phép các giới hạn đối với các bảo đảm ngụ ý và/hoặc không cho phép loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả, do đó các hạn chế và loại trừ trên có thể không áp dụng cho bạn.

**Sản phẩm bán bên ngoài Hoa Kỳ và Canada:**

Để biết thông tin bảo hành và dịch vụ trên các sản phẩm ViewSonic được bán bên ngoài Hoa Kỳ và Canada, hãy liên hệ với ViewSonic hoặc đại lý ViewSonic tại địa phương của bạn.

Thời hạn bảo hành cho sản phẩm này tại Trung Quốc đại lục (Không bao gồm Hồng Kông, Macao và Đài Loan) tuân theo các điều khoản và điều kiện của Thẻ bảo hành bảo trì.

Đối với người dùng ở Châu Âu và Nga, có thể xem chi tiết đầy đủ về bảo hành được cung cấp trong [www.viewsoniceurope.com](http://www.viewsoniceurope.com) trong mục Thông tin Hỗ trợ/Bảo hành.

Mẫu thời hạn bảo hành máy chiếu trong UG  
VSC\_TEMP\_2005



**ViewSonic®**